

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Phạm Ngọc Tuấn
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG – 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN QUỐC TẾ V.M.T.C**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Ngọc Tuấn
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG – 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

.....

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Ngọc Tuấn

Mã sinh viên: 1412401015

Lớp: QT1805K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH giao nhận quốc tế
V.M.T.C

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1.Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Trình bày các cơ sở lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn giao nhận quốc tế V.M.T.C

- Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn giao nhận quốc tế V.M.T.C

2.Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có quy mô lớn.

- Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp

- Hệ thống sổ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn giao nhận quốc tế V.M.T.C, sử dụng số liệu năm 2017.

3.Địa điểm thực tập tốt nghiệp:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn giao nhận quốc tế V.M.T.C

- Địa chỉ : Phòng 406A, Tòa nhà Thùy Dương, Lô 20A Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Thụ

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chí phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Phạm Ngọc Tuấn

Ths. Nguyễn Văn Thụ

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: *Nguyễn Văn Thụ*
Đơn vị công tác: *Khoa Quản trị kinh doanh*
Họ và tên sinh viên: *Phạm Ngọc Tuấn* Chuyên ngành: *Kế toán - Kiểm toán*
Đề tài tốt nghiệp: *Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH giao nhận quốc tế VMTC*
Nội dung hướng dẫn: Hệ thống lý luận, nghiên cứu thực tế tại đơn vị từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH giao nhận quốc tế VMTC

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Bài viết của sinh viên *Phạm Ngọc Tuấn* đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp.

Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp khoa học, hợp lý được chia làm 3 chương:

Chương 1: Trong chương này, tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Chương 2: Trong chương này, tác giả đã trình bày được chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2017). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết.

Chương 3: Trong chương này, tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 30 tháng 08 năm 2018

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ths. Nguyễn Văn Thụ

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	2
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	2
1.1.1. Doanh thu và phân loại doanh thu	2
1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.....	3
1.1.3. Chi phí và phân loại chi phí.....	3
1.1.4. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	4
1.1.5. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	5
1.2. NỘI DUNG KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	6
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	6
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	11
1.2.3. Kế toán chi phí tài chính.....	20
1.2.4. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác.....	22
1.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	25
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	27
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	28
1.3.3. Hình thức kế toán trên Máy vi tính.....	31
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN QUỐC TẾ V.M.T.C	32
2.1. Giới thiệu về công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C.....	32
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C	32
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C .	35
2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C	36

2.2.1. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.....	38
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C	43
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C	49
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C	55
2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty giao nhận quốc tế V.M.T.C	59
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN QUỐC TẾ V.M.T.C.....	67
3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C	67
3.1.1. Ưu điểm của công tác kế toán tại công ty.	67
3.1.2. Nhược điểm của công tác kế toán tại công ty.	68
3.2. Giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C	69
3.2.1. Hệ thống sổ kế toán:	69
KẾT LUẬN	81
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	83

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	KÝ HIỆU	Ý NGHĨA
1	BTC	Bộ tài chính
2	CKTM	Chiết khấu thương mại
3	DT	Doanh thu
4	GTGT	Giá trị gia tăng
5	HĐ	Hợp đồng
6	KH	Khách hàng
7	NVL	Nguyên vật liệu
8	PN	Phiếu nhập
9	PX	Phiếu xuất
10	SXKD	Sản xuất kinh doanh
11	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
12	TC	Tài chính
13	TM	Thương mại
14	TK	Tài khoản
15	TT	Thông tư
16	TP	Thành phẩm
17	TSCĐ	Tài sản cố định
18	VD	Ví dụ
19	VAT	Thuế giá trị gia tăng

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường xu hướng tất yếu chung của các nhà đầu tư, các chủ doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ đều hướng tới mục tiêu là đạt được lợi nhuận. Họ rất quan tâm đến kết quả cuối cùng trong một thời gian (tháng, quý và năm) mà họ đã bỏ vốn của mình ra để đầu tư vào kinh doanh. Điều đó dẫn đến bộ phận kế toán tại doanh nghiệp phải theo dõi sát quá trình mua bán hàng cho đến khi xác định kết quả kinh doanh, để hạch toán nhanh chóng, đầy đủ, kịp thời. Thực hiện tốt quá trình này sẽ giúp doanh nghiệp có thể thu hồi vốn nhanh, bù đắp chi phí, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, đầu tư phát triển, nâng cao đời sống người lao động.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, kết hợp với việc tìm hiểu thực tế tại Công ty Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C., được sự giúp đỡ của Ban Giám đốc, các cán bộ phòng Tài chính - Kế toán, cùng sự hướng dẫn tận tình của giáo viên hướng dẫn Thạc sĩ Nguyễn Văn Thụ em đã quyết định đi sâu vào nghiên cứu đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C”***.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung khóa luận của em gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C.

Vì thời gian và kinh nghiệm của em còn hạn chế nên không tránh khỏi những sai sót trong quá trình trình bày. Kính mong Quý Thầy Cô góp ý, bổ sung để đề tài của em được hoàn thiện hơn, bản thân em khắc phục những yếu kém, tích lũy kinh nghiệm và nâng cao năng lực trong thực tế sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ***1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ******1.1.1. Doanh thu và phân loại doanh thu***

Doanh thu: Là tổng giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được, sẽ thu được từ các giao dịch như bán hàng hóa... bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá (nếu có).

Doanh thu thuần là khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ sau khi đã trừ các khoản giảm trừ như: thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán...

Doanh thu tài chính là khoản thu từ các hoạt động tài chính của doanh nghiệp như: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu tài chính khác của doanh nghiệp.

Thu nhập khác: là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam thì doanh thu chỉ bao gồm: tổng giá trị của các lợi ích kinh tế đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu nội bộ không phải là doanh thu, các khoản vốn góp của cổ đông hoặc chủ sở hữu cũng làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không phải là doanh thu.

1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản làm giảm thu nhập của doanh nghiệp như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng đầu ra trong trường hợp doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.

Các khoản giảm trừ doanh thu: Là các khoản làm cho doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bị giảm như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp.

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn.

Hàng bán bị trả lại: là khối lượng hàng bán xác định là đã bán bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua hàng do hàng bán kém phẩm chất, sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế hoặc lạc hậu thị hiếu.

Thuế TTĐB, thuế xuất nhập khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp
Hợp đồng mua bán.

- Các chứng từ thanh toán khác như: Phiếu chi, phiếu thu, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán,...

1.1.3. Chi phí và phân loại chi phí.

Chi phí: Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức khoản tiền phải chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm các khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Chi phí gồm có: giá vốn hàng bán, (chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp), chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa bao gồm cả phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại, hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành được và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Chi phí quản lý kinh doanh là chi phí chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng: là chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng của doanh nghiệp như: Lương của nhân viên bán hàng, chi phí bốc dỡ hàng hóa, chi phí chuyên hàng, chi phí kho bãi lưu trữ hàng hóa...

Chi phí quản lý kinh doanh: là chi phí quản lý chung của doanh nghiệp như: BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, lương của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí văn phòng, khấu hao tài sản dùng cho quản lý...

Chi phí hoạt động tài chính là phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ...

Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm: chi phí thanh lý, chi phí nhượng bán TSCĐ, phạt tiền do vi phạm hợp đồng kinh tế, giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý, nhượng bán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản chi bao gồm thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại nhằm mục đích xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

1.1.4. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản:

- Kết quả hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ: Là hoạt động sản xuất tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản phẩm kinh doanh phụ.

- Kết quả hoạt động tài chính: Là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn với mục tiêu kiếm lời.

- Kết quả hoạt động khác: Là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

1.1.5. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thực hiện các nhiệm vụ sau:

Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị...

Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chi tiết tình hình tiêu thụ ở tất cả trạng thái như hàng tồn kho...

Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để phản ánh doanh thu một cách chính xác và kịp thời để lập báo cáo tiêu thụ.

Lựa chọn phương án tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp phù hợp.

Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp như: chi phí quản lý kinh doanh, giá vốn hàng bán...

Từ đó đưa ra kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời theo dõi, đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ đối với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết để phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định kết quả kinh doanh.

1.2.NỘI DUNG KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ .

1.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

Doanh thu bán hàng: Là tổng giá trị thực hiện được do việc bán hàng hóa cho khách hàng mang lại. Các hàng hóa đem biếu tặng, dùng để thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ công nhân viên, trao đổi hàng hóa, làm phương tiện thanh toán công nợ của doanh nghiệp cũng phải được hạch toán để xác định doanh thu bán hàng.

❖ Theo chuẩn mực kế toán số 14 doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí có liên quan đến giao dịch bán hàng.

* Nguyên tắc hạch toán doanh thu:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý từ các khoản đã thu được tiền, hoặc thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có)

Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán

- Những doanh nghiệp gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

❖ Các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản làm giảm thu nhập của doanh nghiệp như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng đầu ra trong trường hợp doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn.

Hàng bán bị trả lại: là khối lượng hàng bán xác định là đã bán bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua hàng do hàng bán kém phẩm chất, sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế hoặc lạc hậu thị hiếu.

Thuế TTĐB, thuế xuất nhập khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

* Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT (đối với đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

- Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)

- Hợp đồng kinh tế

- Phiếu thu hoặc giấy báo có của Ngân hàng

- Các chứng từ khác có liên quan

* **Tài khoản sử dụng:**

TK 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Tài khoản 511 có 4 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa

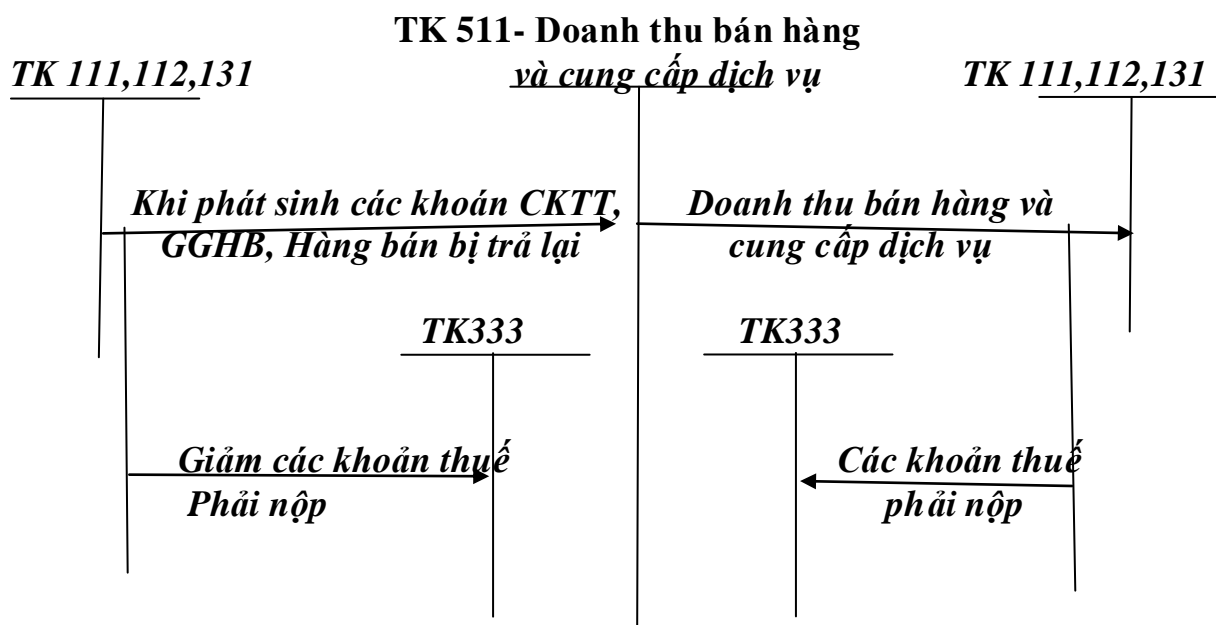
Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các sản phẩm

Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

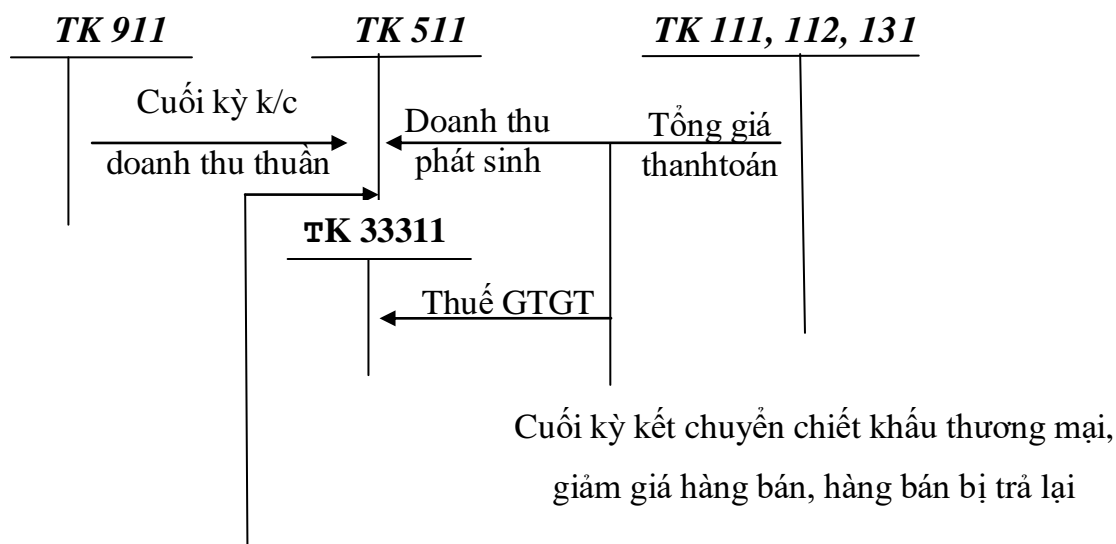
Tài khoản 5118 – Doanh thu khác.

* Kết cấu tài khoản: Nợ TK 511

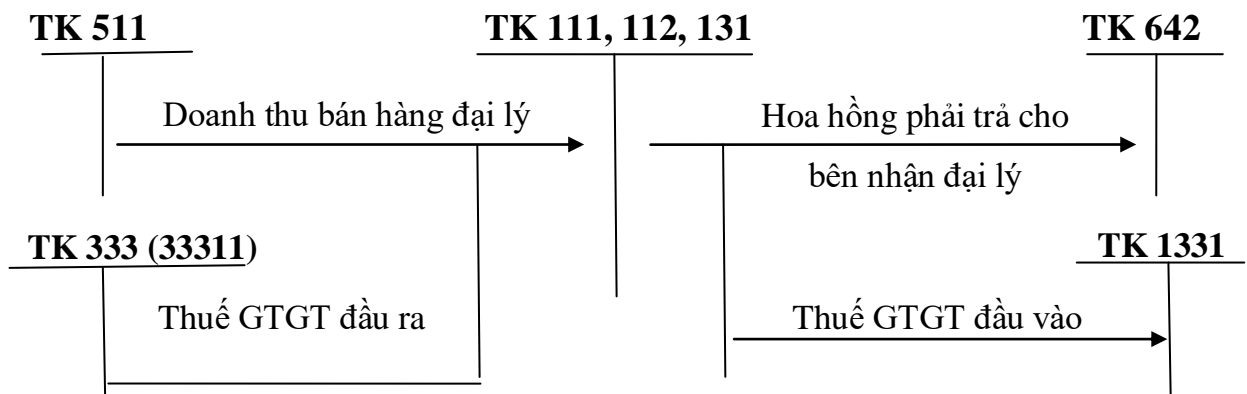
Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu tính trên doanh số bán trong kỳ. - Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế doanh nghiệp phát sinh trong kỳ. 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có



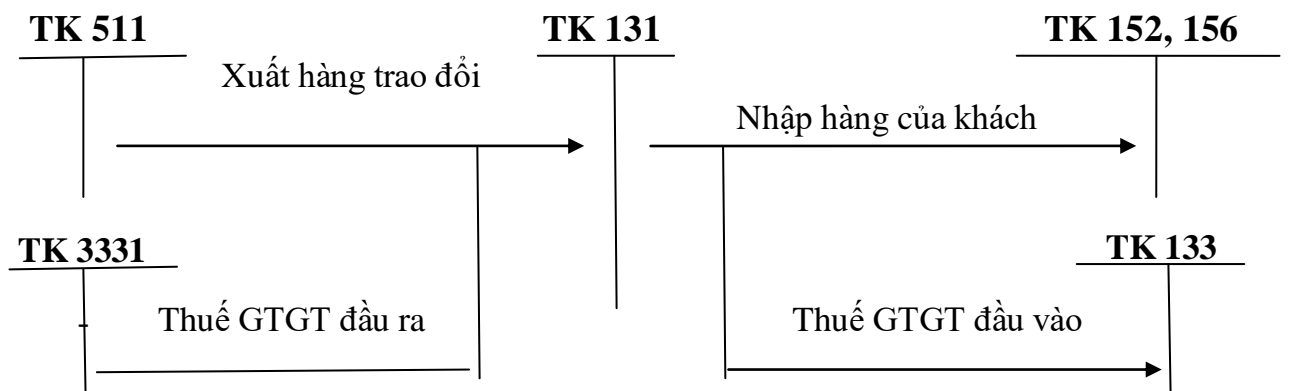
Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



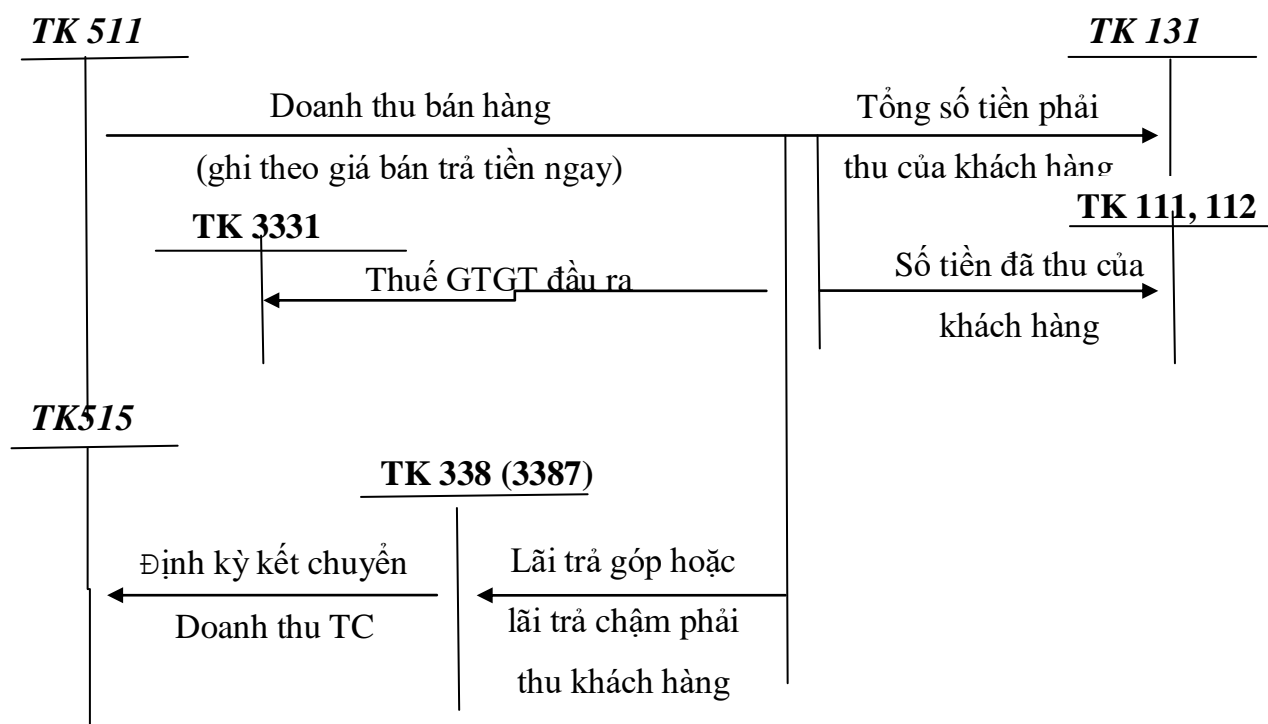
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trực tiếp



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức ký gửi đại lý (bàn giao đại lý)



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức hàng đổi hàng



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trả chậm, trả góp

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

Các phương pháp xác định giá vốn thành phẩm, hàng hóa xuất kho.

Để đưa ra được giá bán hợp lý doanh nghiệp phải xác định giá vốn thành phẩm, hàng hóa để làm căn cứ ghi sổ, cuối kỳ xác nhận hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trong thực tế cả giá cả mua vào luôn biến động do đơn giá thành phẩm, hàng hóa mỗi lần nhập kho là khác nhau điều này đòi hỏi kế toán phải có một phương pháp xác định giá trị thành phẩm, hàng hóa xuất kho trên cơ sở đơn giá nhập tương ứng. Hiện nay, có nhiều cách tính giá vốn thành phẩm, hàng hóa khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm của doanh nghiệp mà lựa chọn phương pháp cho phù hợp

Có 4 phương pháp tính giá vốn hàng bán:

+Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

+Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

✓ Phương pháp bình quân gia quyền

Trị giá hàng xuất kho = Số lượng hàng xuất kho x Đơn giá bình quân

- *Bình quân gia quyền cả kỳ:*

$$\text{Đơn giá BQ cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá TT tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá TT nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn ĐK} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

- *Bình quân gia quyền liên hoàn:*

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập}_i = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập}_i}{\text{Lượng thực tế HTK sau lần nhập}_i}$$

+Phương pháp tính giá bán lẻ: Phương pháp này được áp dụng trong ngành nghề bán lẻ để tính giá trị hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác như các đơn vị kinh doanh siêu thị giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó được hạ giá thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sử dụng tỷ lệ phần trăm bình quân riêng. Ưu điểm: việc thực hiện phương pháp này sẽ rút ngắn thời gian tính toán và tính các giá trị tồn kho vs phần lớn các mặt hàng. Nhược điểm: chỉ áp dụng cho các đơn vị đặc thù, chưa áp dụng rộng rãi. Phương pháp giá bán lẻ chỉ áp dụng cho một số đơn vị đặc thù, ví dụ như các đơn vị kinh doanh siêu thị hoặc tương tự khác...

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu xuất kho

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng**Tài khoản 632– Giá vốn hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ

*Kết cấu TK 632:

➤ *Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên*

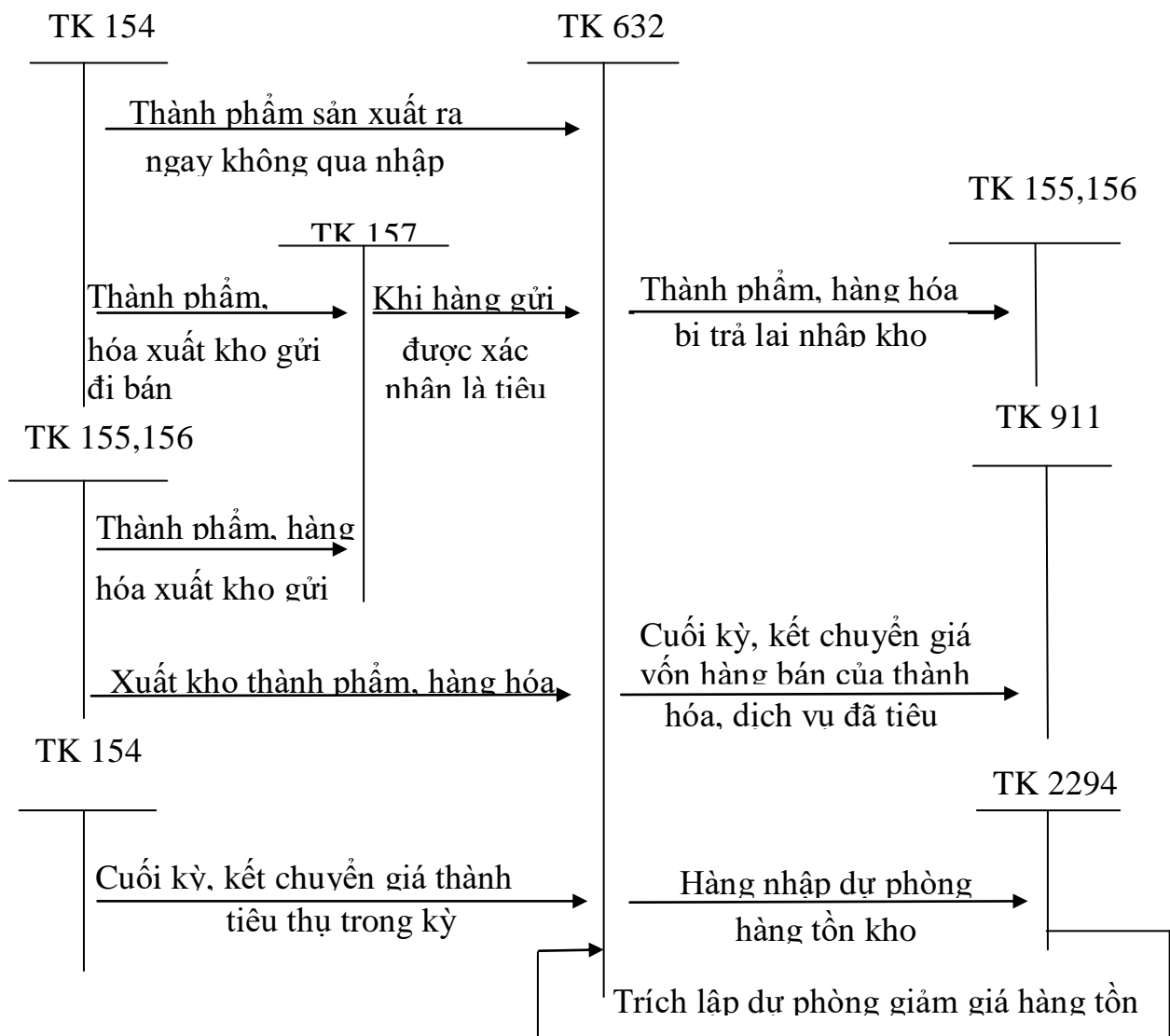
Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Chi phí xây dựng tự chế tạo TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế tạo hoàn thành. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911: "Xác định kết quả kinh doanh". - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

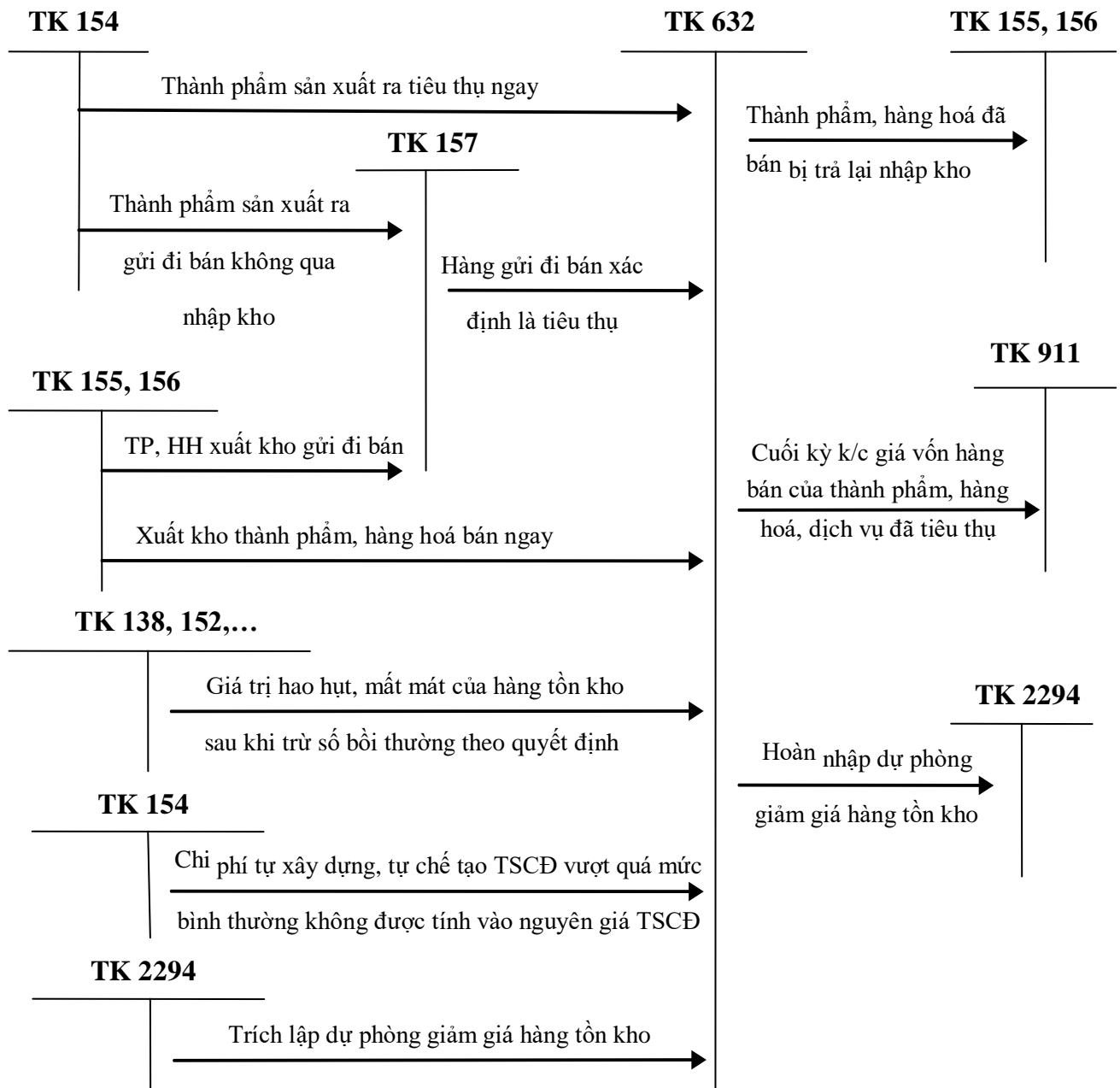
- Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ; - Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất trong kỳ; - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa tiêu thụ; - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính; - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

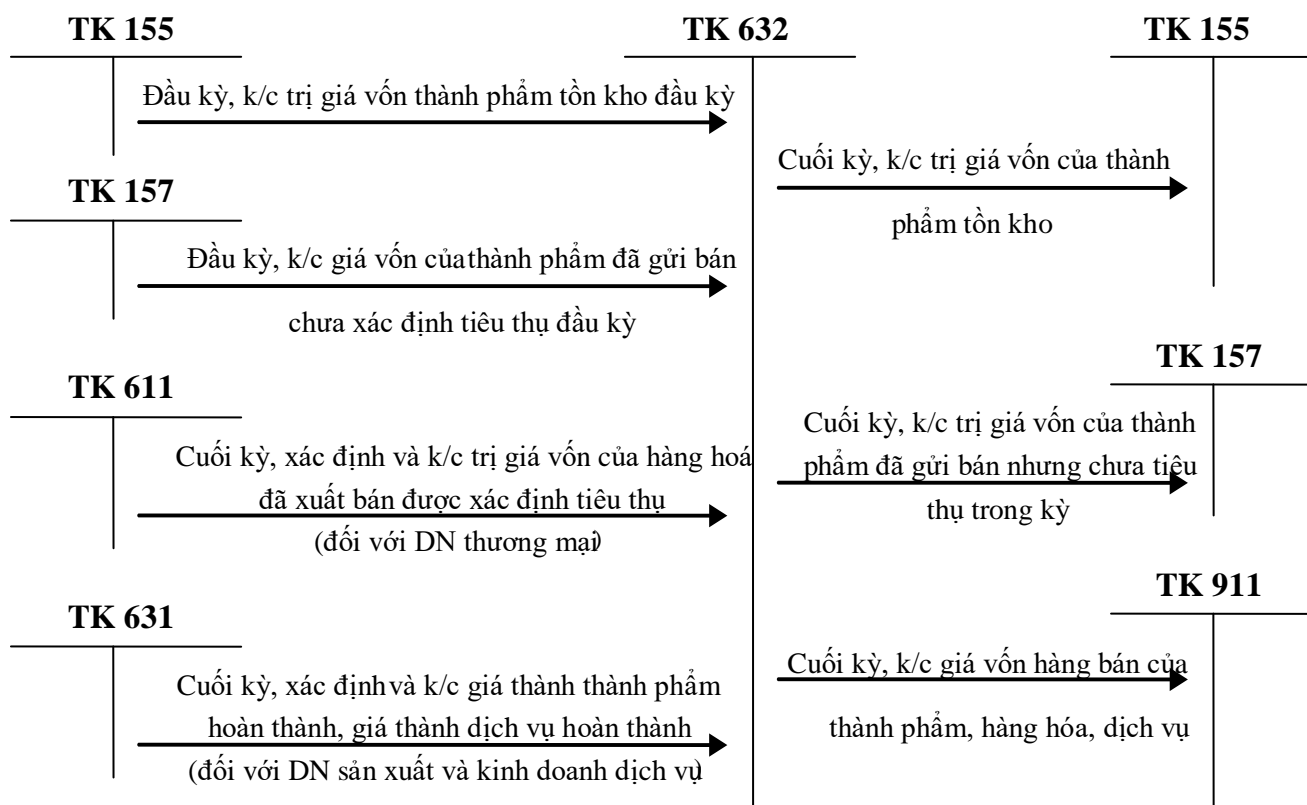
Tài khoản 632 không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ *Sơ đồ hạch toán*





Sơ đồ 1.6: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.7: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

❖ **Chứng từ sử dụng**

- - Hóa đơn GTGT
- - Phiếu chi, giấy báo nợ
- - Bảng tính và phân bổ khấu hao
- - Bảng thanh toán lương
- - Các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản kế toán sử dụng**

TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Các tài khoản cấp 2:

TK 6421 – Chi phí bán hàng

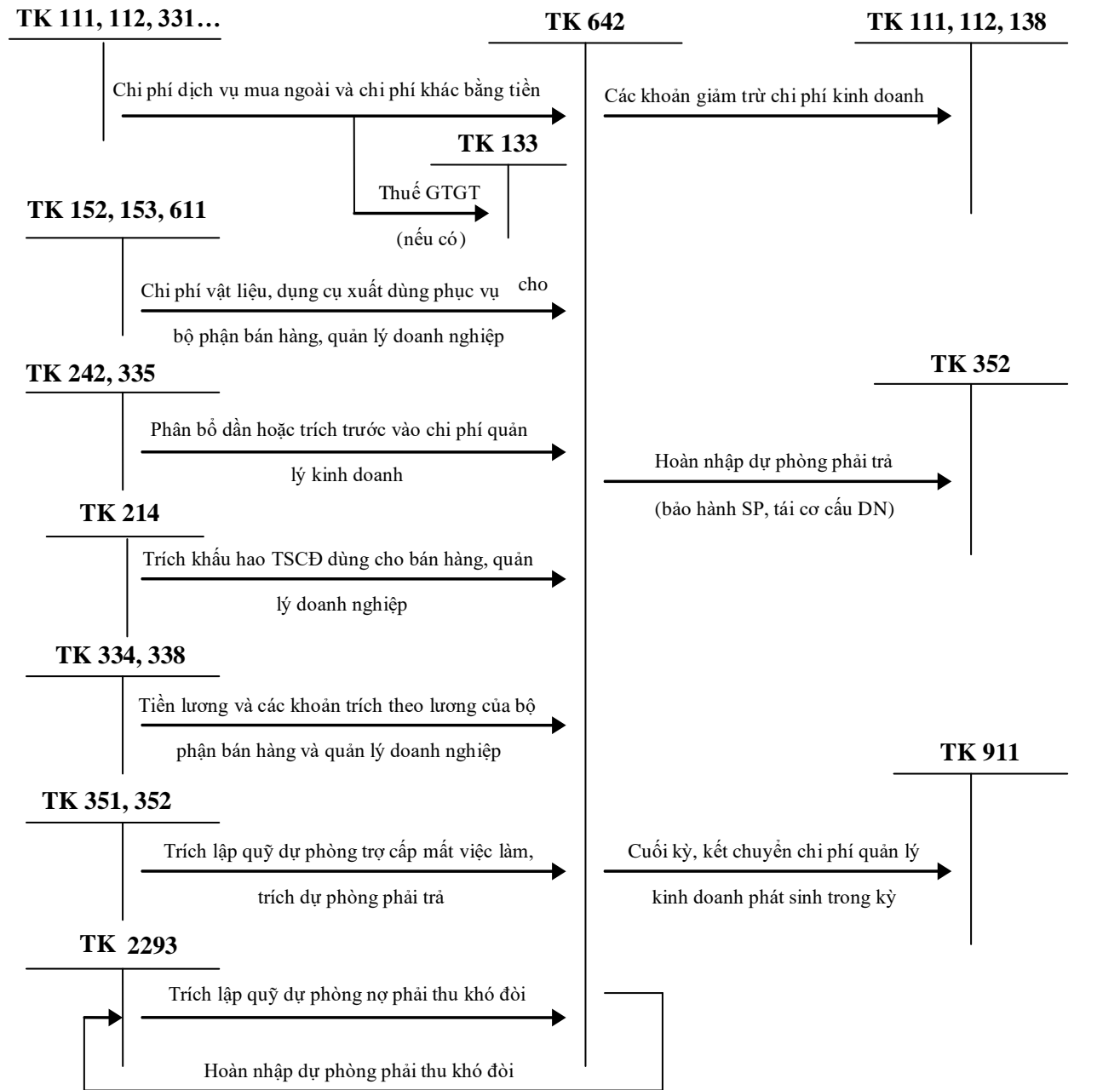
TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ *Kết cấu của tài khoản 642:*

Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); 		<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

Tài khoản 642 không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.3. Kế toán chi phí tài chính

1.2.3.1 Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về đầu tư vốn tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: chi phí lãi vay phải trả, lãi mua hàng theo hình thức trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng, lỗ từ nhượng bán chứng khoán, trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn, chênh lệch lỗ từ tỷ giá hối đoái.

* Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

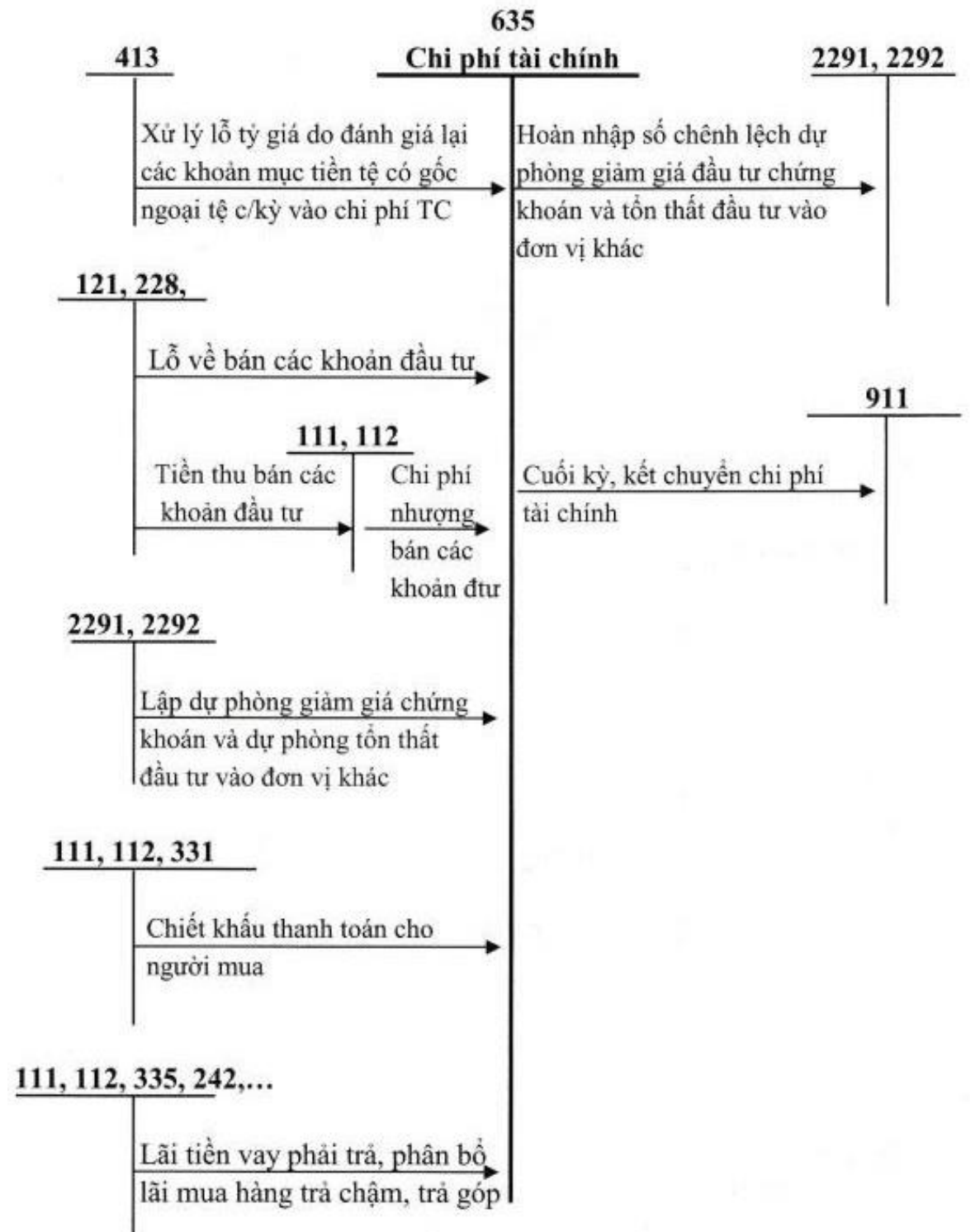
* Tài khoản sử dụng:

TK 635: “ Chi phí tài chính” không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

*** Kết cấu tài khoản 635:**

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi do thuê tài sản; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Lỗ khi bán ngoại tệ; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh; - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh; - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính; - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ. 	
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

*** Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.9 chi phí tài chính

1.2.4. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác

1.2.4.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác

Thu nhập hoạt động khác: Là các khoản thu nhập không phải là doanh thu của doanh nghiệp, đây là khoản thu nhập được tạo ra từ hoạt động ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Thu nhập hoạt động khác bao gồm một số hoạt động: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ nay đòi lại được, các khoản thuế ngân sách nhà nước hoàn lại, thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ, các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu, thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp, các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra...

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng, phiếu kế toán...
- Các chứng từ liên quan khác như nhau: Biên bản thanh lý TSCĐ, hợp đồng kinh tế...

*** Tài khoản sử dụng:**

TK 711: “ Thu nhập khác”

*** Kết cấu tài khoản**

Nợ	TK 711	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở DN nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911. 		<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động khác.

Chi phí hoạt động khác : Là các khoản chi phí của hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do sự kiện và các nghiệp vụ khác biệt với các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Chi phí khác bao gồm:

- + Chi phí thanh lý và giá trị còn lại của tài sản thanh lý, nhượng bán.
- + Chênh lệch lỗ do đánh giá vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- + Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- + Bị phạt thuế, truy thu thuế
- + Các khoản phí khác

*** Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

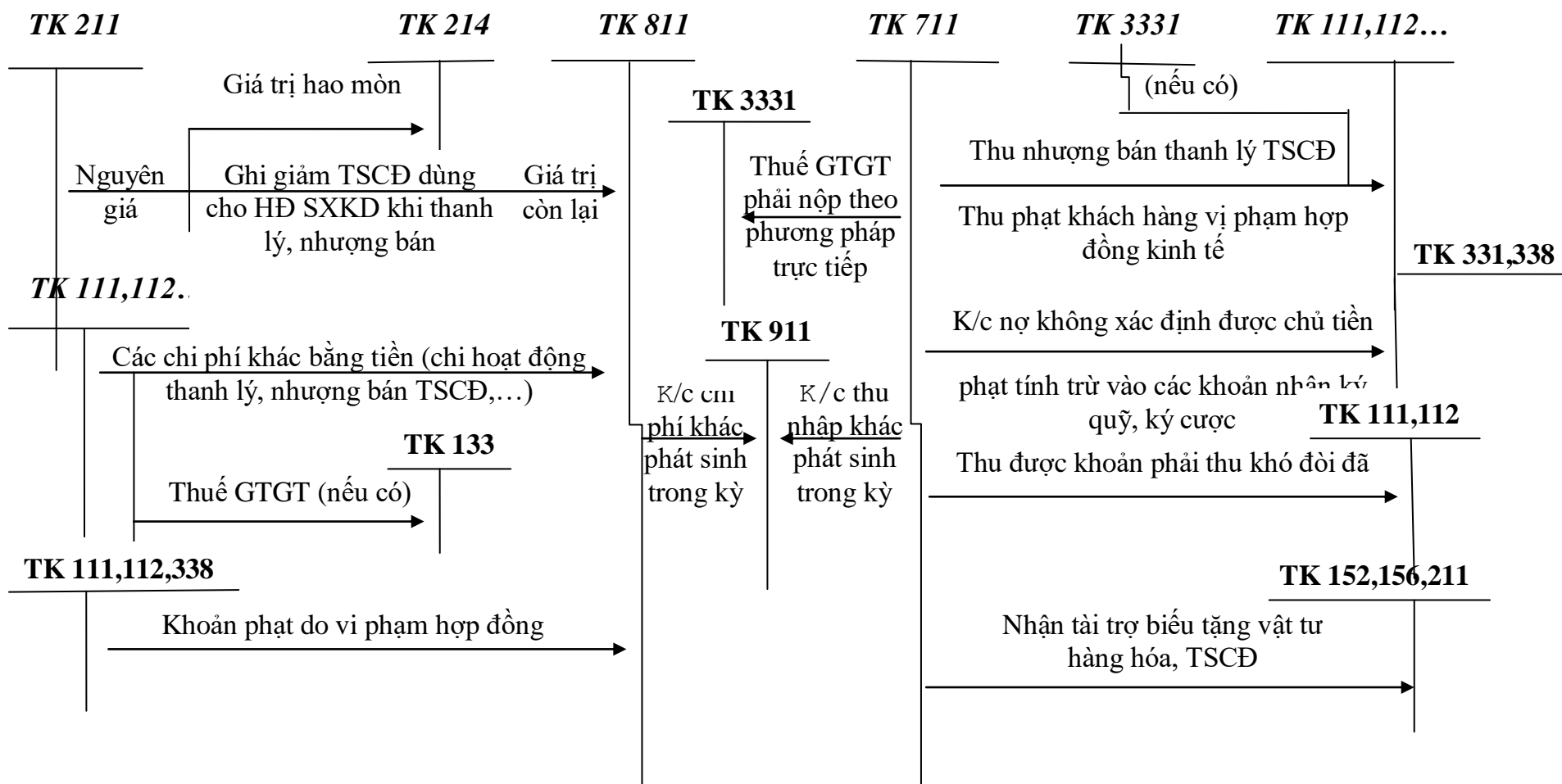
*** Tài khoản sử dụng:**

TK 811: “Chi phí khác”

* Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh.	- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911.	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.



*Sơ đồ 1.10 hạch toán Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.***Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

***Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản sử dụng*➤ Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh*****-Kết cấu của tài khoản 911***

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí quản lý kinh doanh; - Kết chuyển lãi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ. 	
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 911 không có số dư đầu và cuối kỳ.

➤ Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

Kết cấu của tài khoản 821:

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm; - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm; - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước; - Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

Tài khoản 821 không có số dư đầu và cuối kỳ.

➤ **Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối**

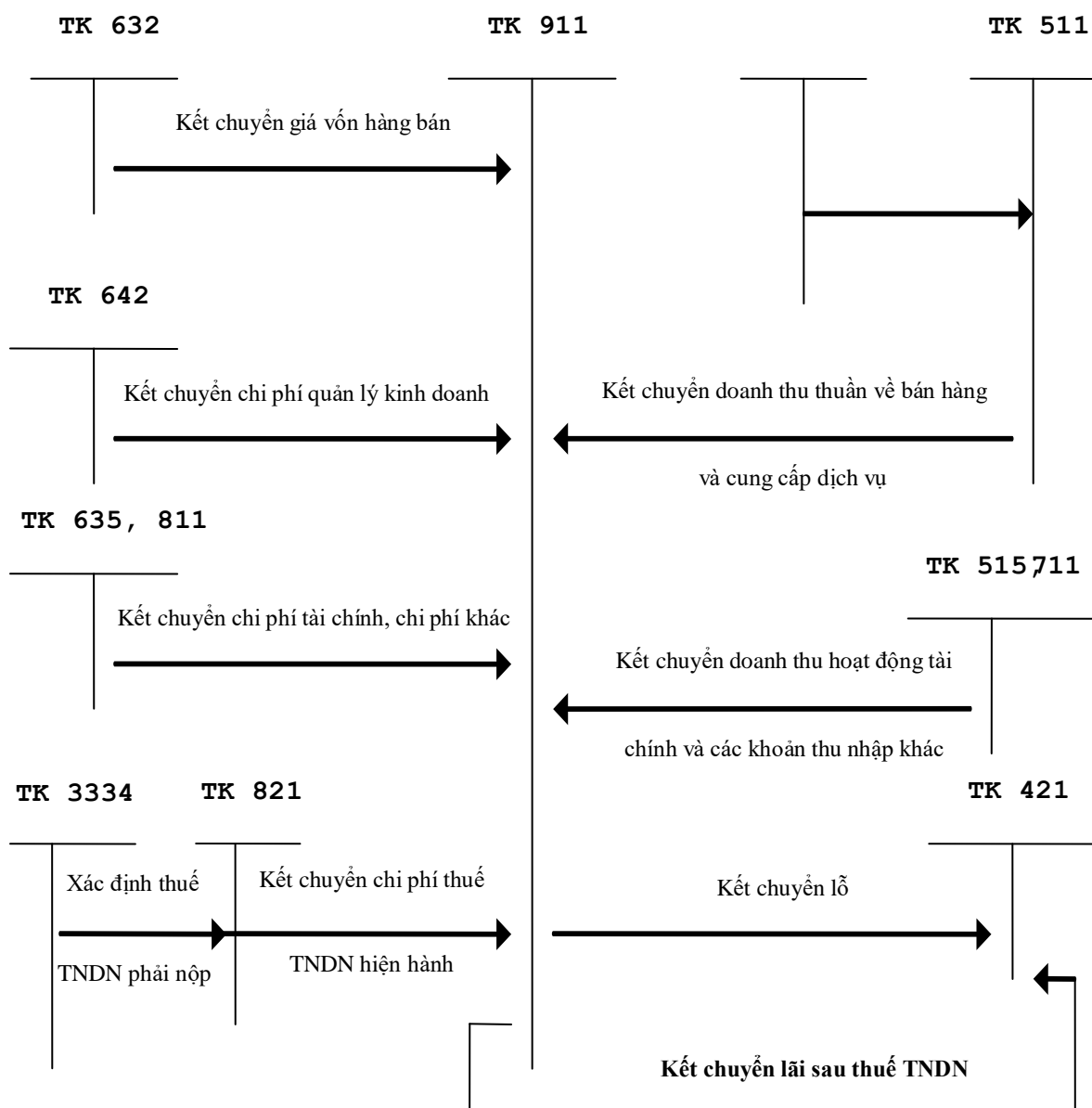
Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 4211 : Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.*
- *Tài khoản 4212 : Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.*

Kết cấu của tài khoản 421:

Nợ	TK 421	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; - Trích lập các quỹ của doanh nghiệp; - Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh; - Bổ sung nguồn vốn kinh doanh; - Nộp lợi nhuận lên cấp trên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kì; - Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên; - Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh. 	
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có



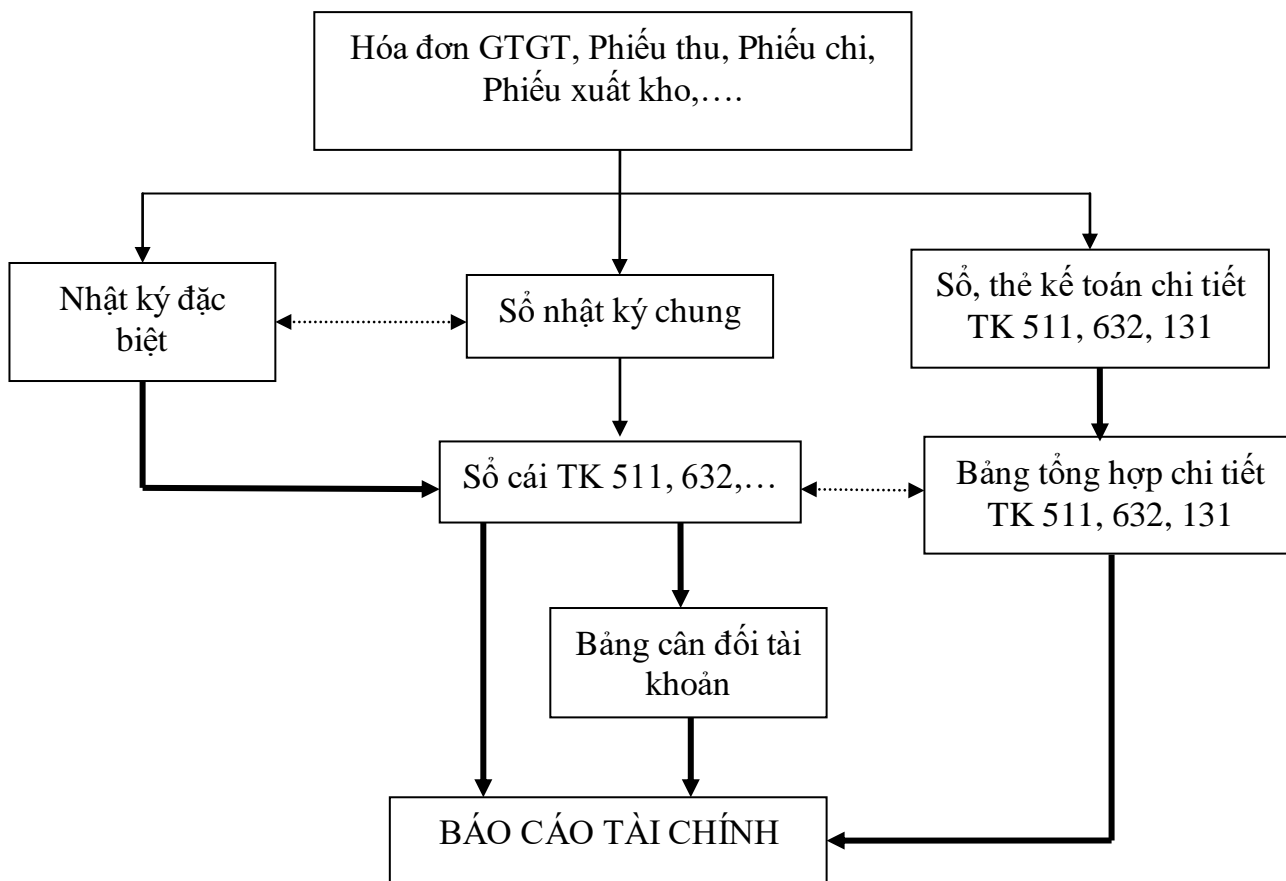
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Doanh nghiệp được áp dụng 1 trong 4 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên Máy vi tính

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung



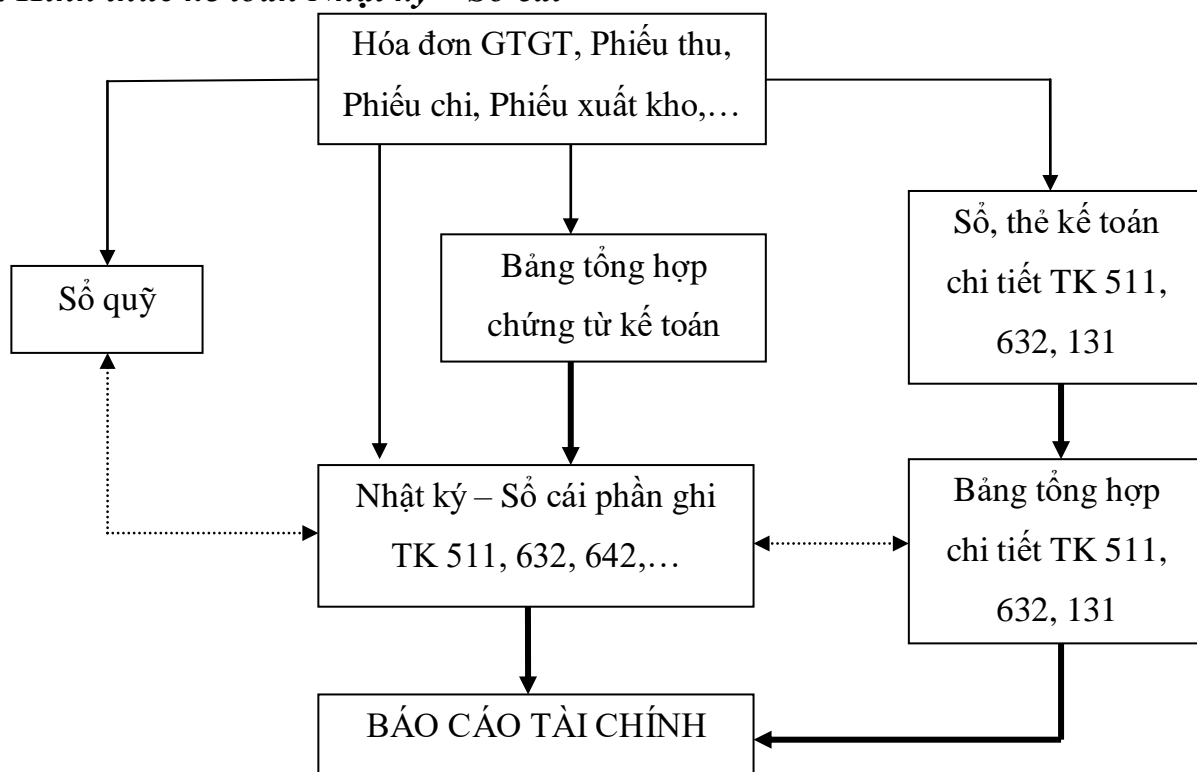
Ghi chú: Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \longrightarrow

Đối chiếu: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

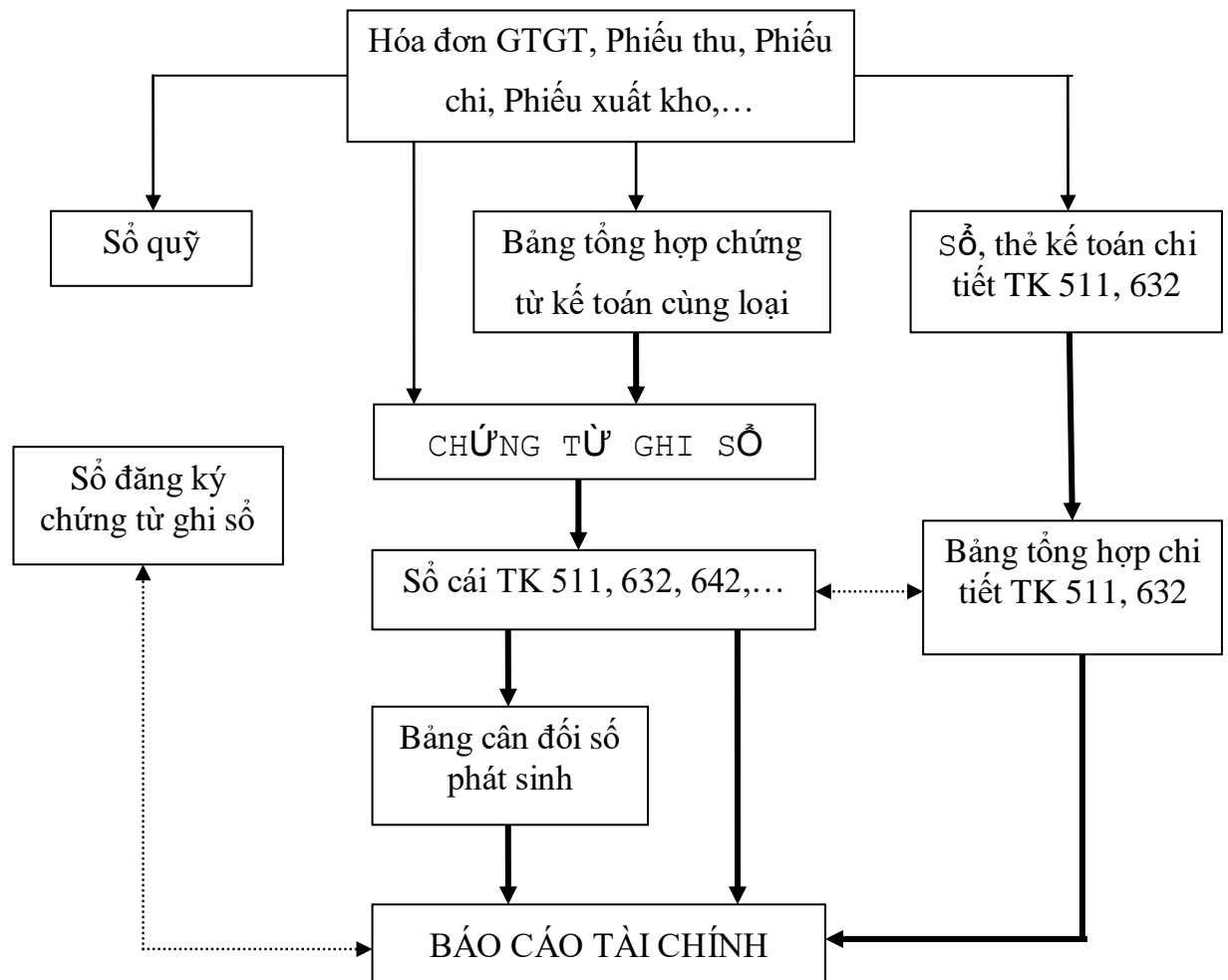


Ghi chú: Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \longrightarrow

Đối chiếu: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh



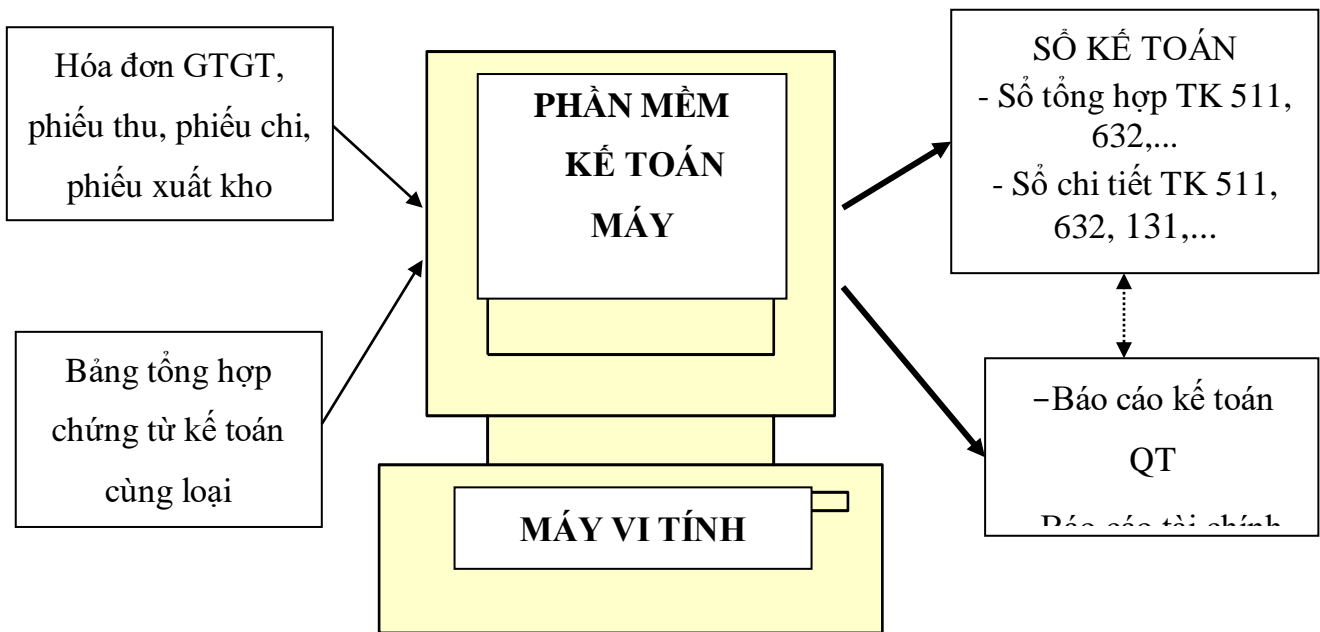
Ghi chú: Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \longrightarrow

Đối chiếu: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.3.3. Hình thức kế toán trên Máy vi tính



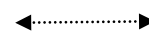
Ghi chú: Nhập số liệu hàng ngày:



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm:



Đôi chiếu, kiểm tra:



Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN QUỐC TẾ V.M.T.C**2.1. Giới thiệu về công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C.****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C**

Tên công ty: CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN QUỐC TẾ V.M.T.C

- Địa chỉ: Lô 20A Lê Hồng Phong – Đông Khê – Ngô Quyền – Hải Phòng.
- Văn phòng giao dịch: : Phòng 406A, Tòa nhà Thùy Dương, Lô 20A Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê
- Số điện thoại liên lạc : 02253262216.
- Số Fax : 0313262217.
- Vốn điều lệ : 9.000.000.000 (Chín tỷ đồng).
- Người đại diện pháp lý: Ông Phạm Việt Anh
- Mã số thuế : 0201070092.
- Lĩnh vực kinh doanh : Vận chuyển hàng hóa bằng xe Container.
- Email : sales@vmtc.vn
- Giấy chứng nhận kinh doanh số: 0200767349.

Công ty là doanh nghiệp tư nhân được thành lập năm 2009 với tên gọi là công ty **TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C** . Công ty có 13 thành viên. Ngày 13/05/2010 Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng, đã cấp giấy phép kinh doanh cho công ty chính thức đi vào hoạt động với hình thức là công ty trách nhiệm hữu hạn. Cho đến nay, Công Ty **TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C** đã và đang phục vụ và cung cấp dịch vụ vận tải cho nhiều khách hàng có chủ đầu tư là người Việt Nam và người nước ngoài đầu tư tại Việt Nam. Các Tập Đoàn và các công ty lớn, Các cá nhân có nhu cầu.

Mục tiêu của công ty: Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh về vận tải hàng hóa bằng container, kết hợp với việc kinh doanh các lĩnh vực khác nhằm thu lợi nhuận tối đa.

Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Giá trị phần vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ(%)	Số CMND
1	PHẠM VIỆT ANH	Số 1\39\169 Trần Nguyễn Hãn, quận Lê Chân, Hải Phòng	8.950.000.000	99.444%	031062260
2	LƯU THỊ PHƯƠNG	Đội 5, thôn Ngọc Liễn, xã Đại Hà, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng	50.000.000	0.556%	031578959

Lĩnh vực hoạt động của công *TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C*

Vận chuyển hàng hóa bằng container.

- Vận chuyển hàng lẻ bằng xe nhỏ.
- Chuẩn bị hàng hóa để chuyên chở.
- Tư vấn cho chủ hàng trong việc chuyên chở hàng hóa.
- Ký kết hợp đồng vận tải trong việc chuyên chở, lưu cước, thuê tàu.
- Làm thủ tục nhận hàng, gửi hàng.
- Dịch vụ khai thuế và làm thủ tục xuất nhập khẩu: Mở tờ khai hải quan, làm lệnh giao nhận hàng hóa.
- Mua bảo hiểm cho hàng hóa.
- Lập các chứng từ cần thiết trong quá trình gửi hàng và nhận hàng.
- Nhận hàng từ chủ hàng, giao cho người chuyên chở và giao cho người nhận.
- Thu xếp chuyển tải hàng hóa.
- Nhận hàng từ người chuyên chở và giao cho người nhận.
- Lưu kho, bảo quản hàng hóa.
- Nhận và kiểm tra các chứng từ cần thiết liên quan đến các quá trình vận tải hàng hóa.

- Thanh toán cước phí, chi phí xếp dỡ, lưu kho, lưu bãi.
- Thông báo tình hình đi và đến của phương tiện vận tải.
- Thông báo tình hình tổn thất với người chuyên chở.

Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động

Trong quá trình hoạt động, công ty có được nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn

-Thuận lợi:

+ Đội ngũ nhân viên có năng lực, có ý thức trách nhiệm, năng động, sáng tạo và luôn nỗ lực hết mình với công việc.

+ Văn phòng được trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của của công ty.

+ Môi trường làm việc chuyên nghiệp khi các phòng ban được phân công rõ ràng và nhất quán.

+ Khó khăn: thị trường tiêu thụ bị cạnh tranh vì ngày càng có nhiều đối thủ không ngừng chiếm lĩnh lấy thị trường này.

Những thành tích cơ bản mà công ty đạt được trong những năm gần đây (2016-2017)

Trong quá trình hoạt động công ty đã đạt được những kết quả như sau:

- Công ty đã được chi cục thuế quận Ngô Quyền trao tặng bằng khen.

- Doanh thu, lợi nhuận của công ty tăng đều đặn các năm và thể hiện qua báo cáo kết quả kinh doanh của công ty qua các năm như sau:

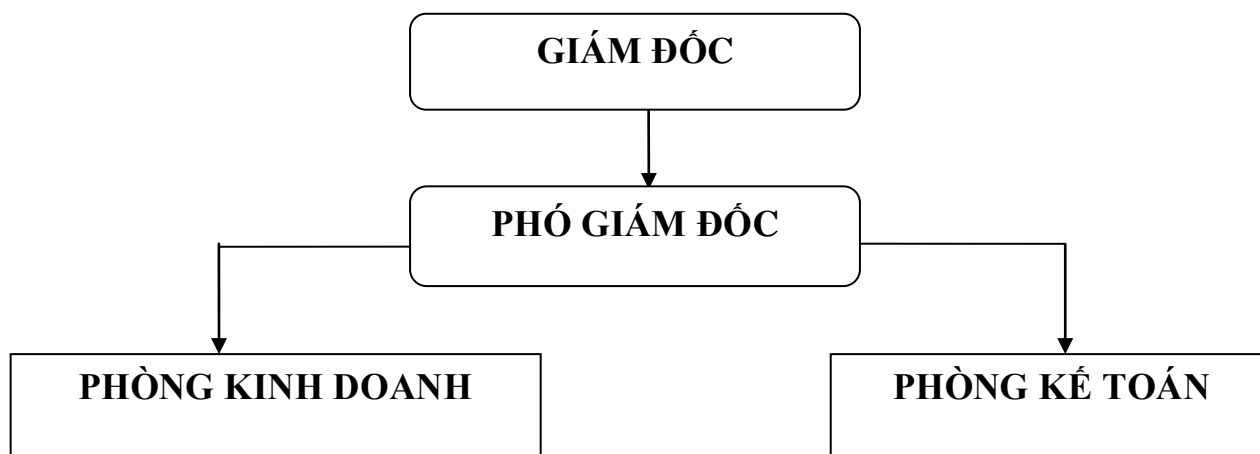
Bảng kết quả đạt được của công ty trong 2 năm qua

ĐVT: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	2016	2017
Doanh thu BH	19.016.356.889	20.019.668.742
Giá vốn hàng bán	17.599.532.756	17.998.862.747
Lợi nhuận gộp	1.816.824.133	2.020.805.995
Doanh thu tài chính	1.986.231	2.007.898
Chi phí QLKD	1.406.261.377	1.395.566.879
Lợi nhuận thuần	412.548.987	627.247.014
Lợi nhuận trước thuế	412.548.987	538.808.925
Chi phí thuế TNDN	82.509.797	125.449.403
Lợi nhuận sau thuế	330.039.190	501.797.611

Qua bảng báo cáo kinh doanh của 2 năm thấy được doanh thu, lợi nhuận của công ty tăng dần qua các năm. Tuy mức tăng không đáng kể nhưng cũng thể hiện được sự phát triển của công ty. Với những khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng hiện nay, công ty vẫn đang ngày càng khẳng định được vị thế của mình nhờ vào tinh thần trách nhiệm dám nghĩ dám làm của ban lãnh đạo công ty và sự đoàn kết của công nhân viên. Do đó đã giúp công ty giải quyết nhiều vấn đề phức tạp trong lĩnh vực kinh doanh, đưa công ty đứng vững trên thị trường và ngày càng tiến xa hơn nữa.

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C



Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức tại Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C

Nhiệm vụ và chức năng của các phòng ban:

+**Giám đốc:** Chịu kết quả, quyền hạn cao nhất đối với kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức bộ máy nhân sự kinh doanh.

Là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước và tập thể cán bộ công nhân viên của công ty.

+**Phó giám đốc:** Là người được giám đốc ủy quyền tất cả các công việc khi giám đốc đi vắng, quan hệ đối tác với khách hàng.

+**Phòng kinh doanh, giao nhận**

Chịu sự chỉ đạo trực tiếp từ giám đốc hoặc phó giám đốc, phụ trách kinh doanh, quan hệ đối tác với khách hàng.

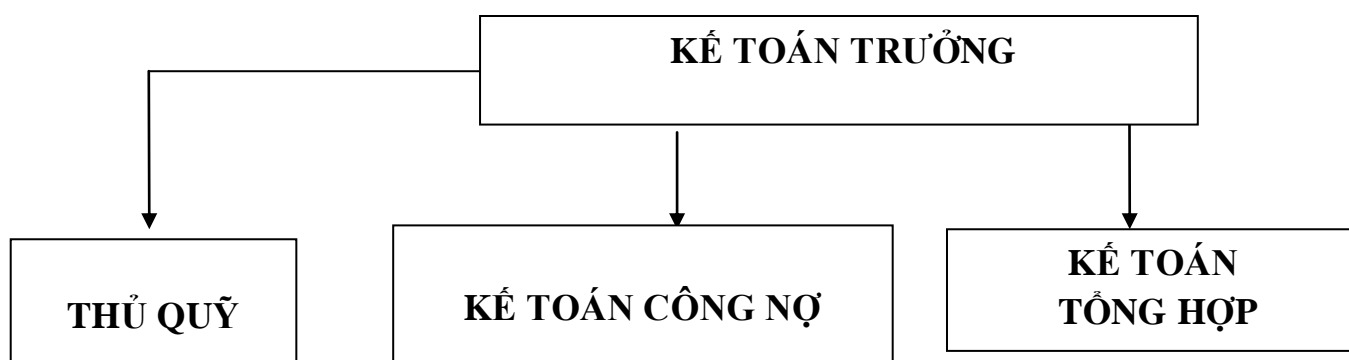
Dự báo cáo vấn đề về hàng hóa và dịch vụ, đề xuất các phương án giá cả và lập kế hoạch kinh doanh cho cả công ty.

+Phòng kế toán:

Có trách nhiệm thu thập, xử lý thông tin kế toán, tổng hợp số liệu báo cáo tài chính, chịu trách nhiệm về tính chính xác của báo cáo tài chính. Đồng thời còn tham mưu đặc lực cho giám đốc thông qua tình hình tài chính.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C

- Kế toán trưởng: Người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán thực hiện.

- Kế toán kho và thủ quỹ: Có trách nhiệm quản lý thống kê, theo dõi kho nhập, xuất, tồn. Kiểm tra, đối chiếu từng chủng loại hàng hóa, vật tư. Hàng tháng tiến hành lập báo cáo nhập, xuất, tồn. Quản lý quỹ, thu chi tiền mặt, kiểm kê, kiểm tra sổ quỹ tồn quỹ và phản ánh chính xác kịp thời, đầy đủ số liệu hiện có, tình hình biến động vốn bằng tiền trong công ty.

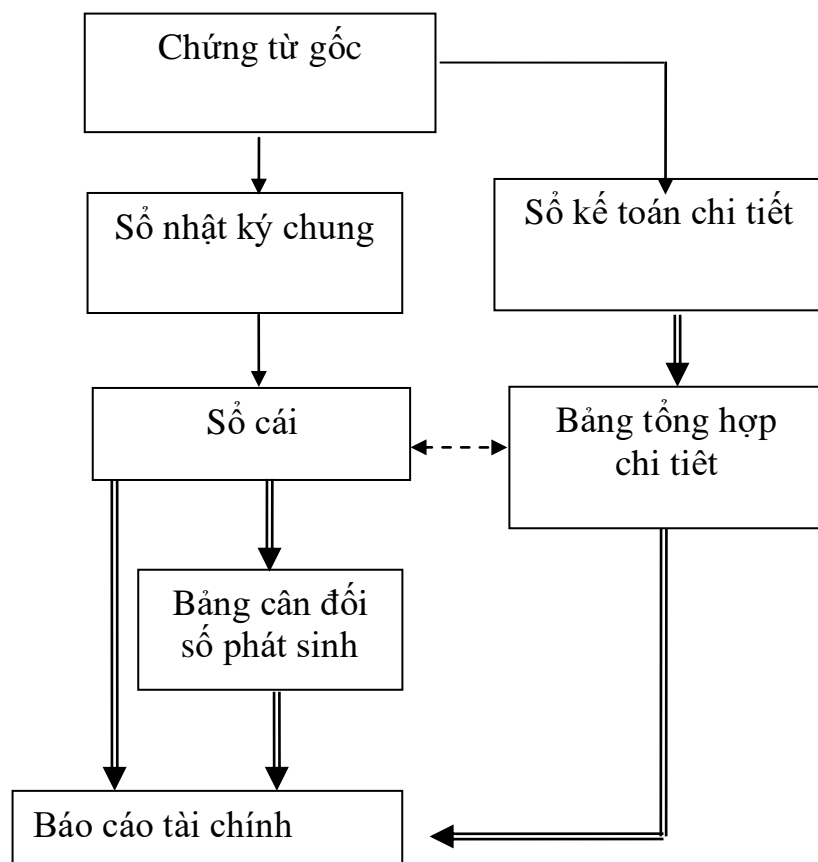
- Kế toán công nợ: Kiểm tra các chứng từ trước khi lập thủ tục thu chi

theo qui định Nhà nước ban hành, định khoản và phân loại chứng từ theo nghiệp vụ kinh tế phát sinh, chuyển giao các chứng từ ban đầu cho bộ phận liên quan. Theo dõi các khoản tạm ứng nội bộ, đối chiếu kiểm tra tồn quỹ cuối ngày với thủ quỹ, đối chiếu tồn quỹ tiền mặt giữa báo cáo quỹ với kế toán tổng hợp Cty. Lập tờ khai hàng hoá mua vào thuế GTGT theo biểu mẫu. Lập phiếu nộp ngân sách – ngân hàng theo yêu cầu, đóng chứng từ theo nghiệp vụ phát sinh, số thứ tự, thời gian, lưu trữ, bảo quản.

- Kế toán tổng hợp: Chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các tài liệu, số liệu do bộ phận kế toán khác chuyển sang, từ đó lập bút toán kết chuyển lúc cuối kỳ. Lập báo cáo tài chính.

2.1.3.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

Hiện nay, công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T. Áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung để thu nhận, xử lý và cung cấp các thông tin liên quan đến các hoạt động kinh tế - tài chính phục vụ cho việc lập các báo cáo tài chính của doanh nghiệp



Sơ đồ 2.3: Quy trình ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung tại Công ty giao nhận quốc tế V.M.T.C

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: ⇒

Quan hệ đối chiếu: ←---→

Chế độ, chính sách kế toán Công ty đang áp dụng

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

- Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán kế toán: Việt Nam đồng (VNĐ)

- Hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

- Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Hạch toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp ghi thẻ song song.

- Tính giá vốn hàng tồn kho theo phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập.

- Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

- Tính và trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty giao nhận quốc tế V.M.T.C

2.2.1. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Công ty chú trọng vào việc phát triển sâu ngành nghề nên trong quá trình hoạt động công ty không tham gia vào các hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh... Vì vậy, doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu phát sinh do các khoản lãi nhận từ ngân hàng. Trong năm 2017, Công ty không phát sinh các khoản chi phí tài chính.

a. Chứng từ sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng

- Hóa đơn giá trị gia tăng

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng

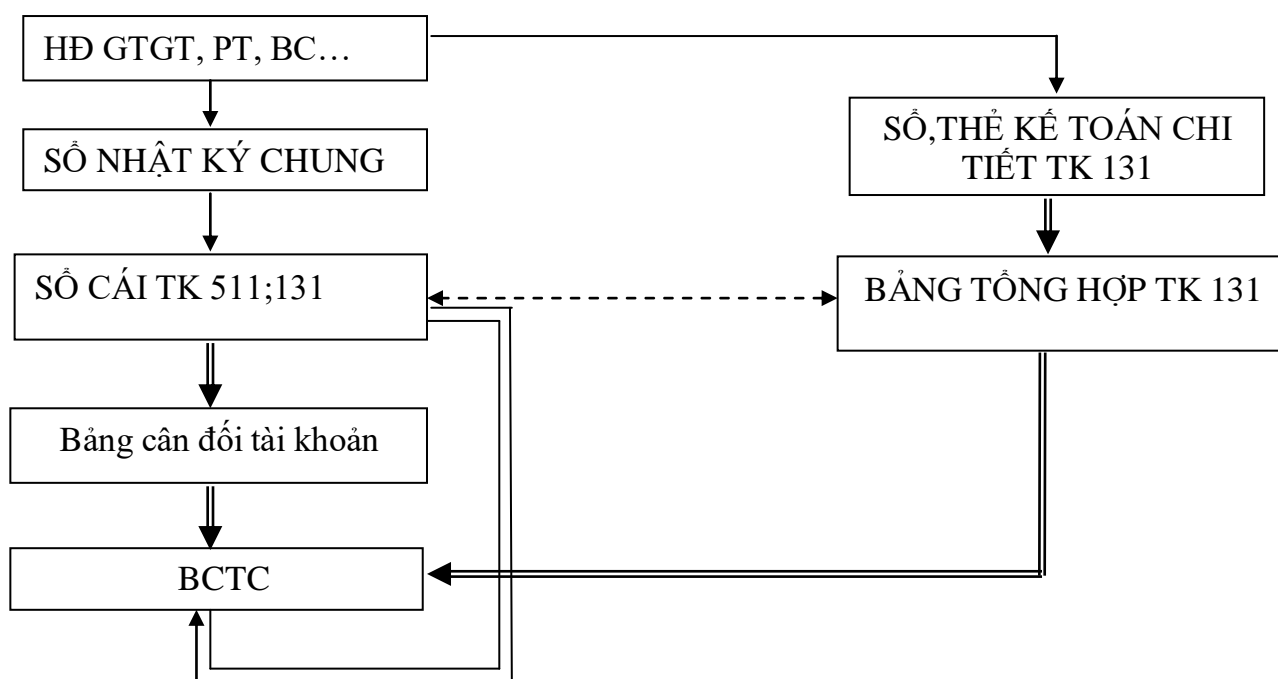
- Chứng từ thanh toán: giấy báo có, phiếu thu

- Các chứng từ có liên quan khác

b. Tài khoản sử dụng:

- TK 511: Doanh thu bán hàng.
- TK 3331: Thuế GTGT phải nộp
- Các TK liên quan khác

c. Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.1: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C

Ví dụ minh họa: Ngày 03/12/2017, vận chuyển xi măng cho Công ty TNHH xây dựng Chí Thành, số tiền 12.747.520 đồng, theo hóa đơn số 0001088 (VAT 10%), khách hàng chưa thanh toán.

Căn cứ vào HĐ 0001088, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 131 : 12.747.520

Có TK 511 : 11.588.655

Có TK 3331: 1.158.865

Biểu số 2.2. Trích sổ Nhật Ký Chung.

Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C
Địa chỉ: số Lô 20A Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, HP.

Mẫu số: S03a- DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng
Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
...
HD108 8	03/12	Vận chuyển xi măng cho Công ty TNHH xây dựng Chí Thành	131	511 3331	12.747.520	11.588.655 1.158.865
....
GBC 398	28/12	Công ty TNHH Mai Linh thanh toán tiền hàng	112	131	22.725.000	22.725.000
...
GBC 432	30/12	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng	112	515	92.338	92.338
.....
		Cộng lũy kế năm			168.532.608.742	168.532.608.742

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.3: Trích Sổ cái TK 511

Công ty TNHH TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C
Địa chỉ: Lô 20A Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, HP.

Mẫu số: S03b- DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng
Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu : 511

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			
		...			
HD108 8	03/1 2	Vận chuyển xi măng cho công ty TNHH xây dựng Chí Thành	131		11.588.655
...
HD130 6	04/1 2	Vận chuyển bột đậu công ty TNHH Tài Lộc	131		8.259.460
		...			
HD133 5	06/1 2	Vận chuyển sợi bông cho cty may 10	131		12.508.641
		...			
PKT19	31/1 2	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	20.019.668.742	
		Cộng phát sinh năm		20.019.668.742	20.019.668.742
		<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C

Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C tập hợp chi phí vận tải cho toàn doanh nghiệp. Chi phí nguyên vật liệu như xăng dầu, dầu mỡ... sẽ tập hợp vào tk 1541, tiền lương và các khoản trích theo lương của lái xe phụ xe được tập hợp vào tk 1542, các khoản chi phí như khấu hao TSCĐ, chi phí xăng lốp... được tập hợp vào tk 1543. Cuối năm các khoản chi phí này được kết chuyển vào tk 154 để tính giá thành dịch vụ vận tải toàn công ty, giá thành được tính vào cuối năm theo công thức

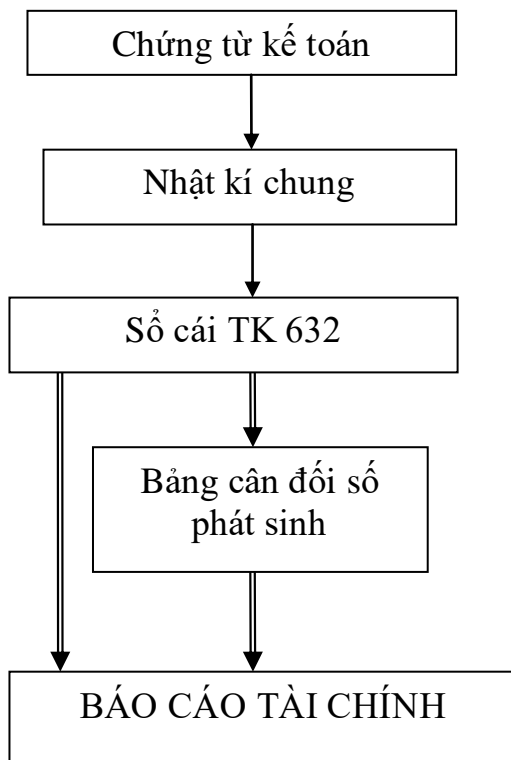
Giá thành vận tải = chi phí vận tải phát sinh trong kỳ.

a. Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Bảng kê xuất...

b. Tài khoản sử dụng

- TK 632 - Giá vốn hàng bán
- TK 152- Hàng hóa
- TK 334- nhân công



*** Quy trình hạch toán:**

Ghi chú:Ghi hàng ngày \longrightarrow Ghi cuối tháng, định kỳ \Longrightarrow

VD minh họa: Giá vốn của công ty được tập hợp từ các sổ sách kế toán để lập phiếu kế toán số 18. Từ phiếu kế toán số 18 kế toán định khoản như sau:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (1541) :	8.999.431.374
Chi phí nhân công trực tiếp (1542):	3.959.749.804
Chi phí sản xuất chung (1543):	5.039.681.569
Tổng chi phí = tổng giá thành	: 17.998.862.747

Biểu 2.4: Trích Sổ cái TK 154

Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C
Địa chỉ: Lô 20A Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, HP.

Mẫu số: S03b- DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng
Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu : 154

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			
.....
BPBL T12	31/1 2	Tiền lương bộ phận lái xe tháng 12/2017	334	188.690.500	
PC12- 36 HD945 7	31/1 2	Chi phí sửa chữa xe tháng 12/2017	111	18.261.450	
...
PKT18	31/1 2	Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh năm 2017	632		17.998.862.747
		Cộng số phát sinh năm		17.998.862.747	17.998.862.747
		<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.5: Phiếu kế toán số 18**CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN QUỐC TẾ V.M.T.C****Địa chỉ: 20A Lê Hồng Phong – Ngô Quyền – Hải Phòng****PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 18

Ngày 31/12/2017

Nội dung	TK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển Chi phí SXKD năm 2017	632	1541	8.999.431.374
		1542	3.959.749.804
		1543	5.039.681.569
Cộng			17.998.862.747

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.6. Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C
Địa chỉ: Lô 20A Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, HP

Mẫu số: S03a- DNN
(Ban hành theo TT133/2016 TT-
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng
Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
...
HD108 8	03/12	Vận chuyển xi măng cho công ty TNHH xây dựng Chí Thành	131	511 3331	12.747.520	11.588.655 1.158.865
....
GBC39 8	28/1 2	Công ty TNHH Mai Linh thanh toán tiền hàng	112	131	22.725.000	22.725.000
GBC43 2	30/12	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng	112	515	92.338	92.338
....
PKT18	31/12	Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh năm 2017	632	1541 1542 1543	17.998.862.747	8.999.431.374 3.959.749.804 5.039.681.569
....
		Cộng lũy kế năm			168.532.608.74 2	168.532.608.74 2

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.7: Trích Sổ cái TK 632.

Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C
Địa chỉ: Lô 20A Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, HP

Mẫu số: S03b- DNN
(Ban hành theo TT 133/2016 TT-
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng
Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu : 632

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			
PKT18	31/1 2	Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh năm 2017	1541	8.999.431.374	
			1542	3.959.749.804	
			1543	5.039.681.569	
PKT20	31/1 2	Kết chuyển giá vốn năm 2017	911		17.998.862.747
		Cộng số phát sinh năm		17.998.862.747	17.998.862.747
		<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C

Chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C bao gồm:

- Chi phí văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ, dịch vụ mua ngoài như điện nước, điện thoại, internet và các chi phí bằng tiền khác như chi phí hội nghị, tiếp khách,...
- Lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp.

**** Chứng từ sử dụng:***

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường.
- Phiếu chi.
- Giấy báo nợ của ngân hàng.
- Bảng thanh toán lương.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Các chứng từ có liên quan khác.

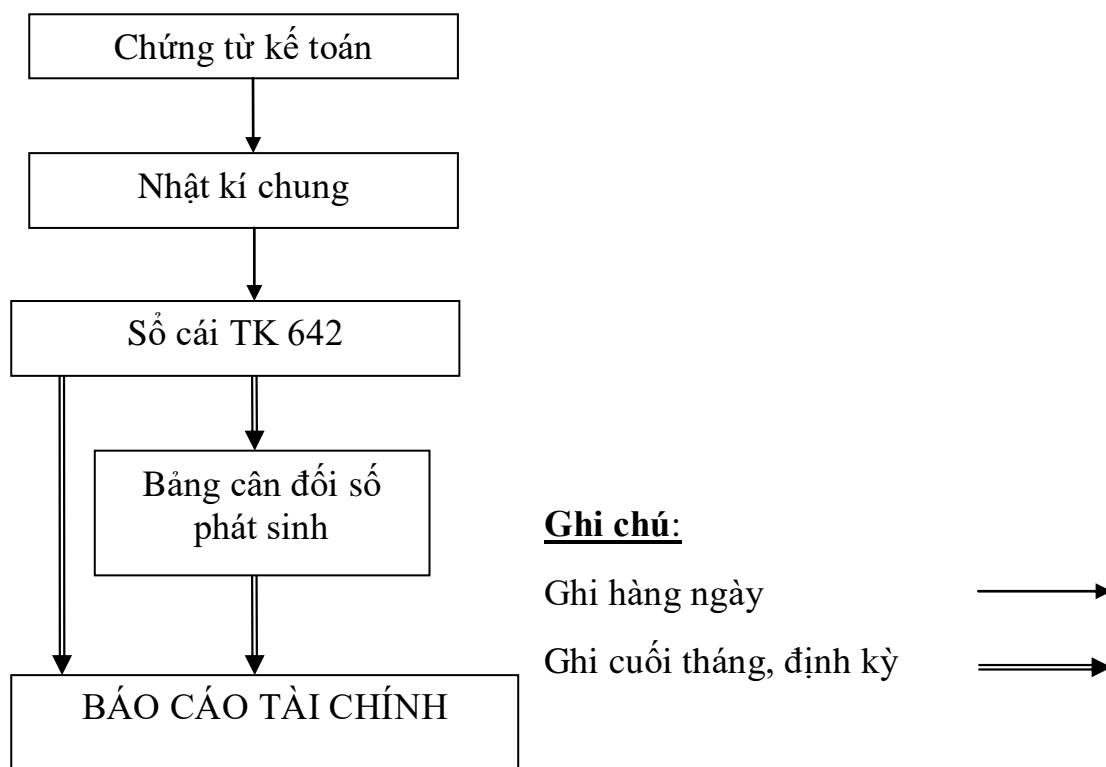
**** Tài khoản sử dụng:***

- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh.

**** Sổ sách sử dụng:***

- Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 642.

* Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C

* Ví dụ minh họa : Ngày 10/12/2017, Công ty mua văn phòng phẩm phục vụ cho văn phòng với trị giá 2.828.100 theo HĐ GTGT 0000091 (Biểu 2.8), đã thanh toán bằng tiền mặt theo Phiếu chi số 12-28 (Biểu 2.9).

Căn cứ vào HĐ GTGT 0000091 và Phiếu chi 12-25, kế toán định khoản:

Nợ TK642 : 2.571.000
 Nợ TK133 : 257.100
 Có TK111: 2.828.100

Biểu 2.8: Hoá đơn GTGT số 0000091

<p>HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao khách hàng Ngày 10 tháng 12 năm 2017</p>			<p>Mẫu số :01GTKT3/001 Ký hiệu : TH/17P Số: 0000091</p>		
<p>Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH VĂN PHÒNG PHẨM HẢI PHÒNG Mã số thuế: 0201204412 Địa chỉ: Số 3A/89 Lê Lợi –Phường Máy Tơ –Quận Ngô Quyền-Hải Phòng Điện thoại: 0313.760.128 Số tài khoản:</p>					
<p>Họ tên người mua hàng: Phạm Thị Huyền Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN QUỐC TẾ V.M.T.C Mã số thuế: 0201070092 Địa chỉ: Số 20A Lê Hồng Phong – Ngô Quyền – Hải Phòng Hình thức thanh toán: TM</p>					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Giấy in Double A	Thùng	3	302.000	906.000
2	Kẹp tài liệu	Hộp	7	35.000	245.000
3	Giá đựng tài liệu	Cái	3	60.000	180.000
4	Bàn điện thoại	Cái	2	405.000	910.000
5	Mực máy in	Hộp	3	110.000	330.000
<p>Cộng tiền hàng:</p> <p style="text-align: right;">2.571.000</p>					
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT: 257.100			
<p>Tổng cộng tiền thanh toán</p> <p style="text-align: right;">2.828.100</p>					
<p>Số tiền viết bằng chữ: <i>Hai triệu tám trăm hai mươi tám nghìn, một trăm đồng.</i></p>					
<p>Người mua hàng (Đã ký)</p>		<p>Người bán hàng (Đã ký)</p>		<p>Thủ trưởng đơn vị (Đã ký và đóng dấu)</p>	

Biểu 2.9: Phiếu chi số 12-28

Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C
Địa chỉ: Lô 20A Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, HP

Mẫu số:02- TT
(Ban hành theo TT 133/ 2016/ TT-
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng
Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHI

Ngày 10 tháng 12 năm 2017

Số :12-28

Nợ: 642,133

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Bùi Tiến Minh

Địa chỉ: Công ty TNHH văn phòng phẩm Hải Phòng

Lý do: Mua văn phòng phẩm

Số tiền: 2.828.100

Bằng chữ : Hai triệu tám trăm hai mươi tám nghìn, một trăm đồng

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 10 tháng 12 năm 2017

Giám đốc*(Ký, ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, ghi rõ họ tên)***Người lập phiếu***(Ký, ghi rõ họ tên)*

Đã nhận đủ số tiền(bằng chữ): Hai triệu tám trăm hai mươi tám nghìn, một trăm đồng

Ngày 10 tháng 12 năm 2017

Thủ quỹ*(Ký, ghi rõ họ tên)***Người nhận tiền***(Ký, ghi rõ họ tên)*

Biểu 2.10: Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C
Địa chỉ: Lô 20A Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, HP

Mẫu số: S03a- DNN
(Ban hành theo TT 133/ 2016/ TT-
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng
Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
...
HD1088	03/1 2	Vận chuyển xi măng cho Cty TNHH xây dựng Chí Thành	131	511 3331	12.747.520	11.588.655 1.158.865
...
PC12- 28 HD0091	10/1 2	Chi mua văn phòng phẩm	642 133	111	2.571.000 257.100	2.828.100
...
BKH T12	31/1 2	Tính khấu hao tháng 12	642 154	214	6.508.742 77.895.443	84.404.185
...
		Cộng lũy kế năm			168.532.608.742	168.532.608.742

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.11: Trích sổ cái TK642

Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C

Mẫu số:S03b- DNN

Địa chỉ: Lô 20A Lê Hồng Phong, Ngô Quyền,HP

(Ban hành theo TT 133/ 2016/ TT-

BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng

Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu : 642

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			
....
BKH T12	01/12	Trích khấu hao	214	6.508.742	
PC12- 28 HĐ0091	10/12	Chi tiền mua văn phòng phẩm	111	2.571.000	
BTTLT 12	31/12	Lương tháng 12	334	83.480.000	
.....
PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh năm 2017	911		1.395.566.879
		Cộng số phát sinh năm		1.395.566.879	1.395.566.879
		<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C

*Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu phát sinh do lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi cho các khoản nợ vay.

* Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có của Ngân hàng.
- Sổ phụ của Ngân hàng.
- Các chứng từ có liên quan khác.

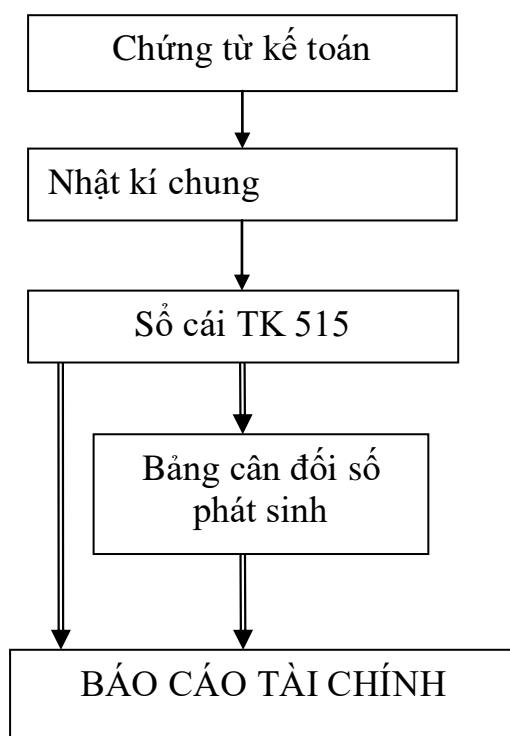
* Tài khoản sử dụng:

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

* Sổ sách sử dụng:

- Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 515.

* Quy trình hạch toán:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, định kỳ ⇨

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C

***Ví dụ minh họa:** Ngày 30/12/2017, nhận lãi tiền gửi ngân hàng, số tiền 92.338 đồng. Chứng từ phát sinh là Giấy báo Có số 502.

Căn cứ vào BC.502 (Biểu 2.2) , kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 112: 92.338

Có TK 515: 92.338

Biểu 2.12: Giấy báo có của ngân hàng Công thương Hải Phòng.

Ngân hàng ACB
CN Hải Phòng

GIẤY BÁO CÓ
Ngày 30/12/2017

Mã GDV: BTTA
Số GD: 00502
Giờ: 08:35:09

Kính gửi: CÔNG TY **TNHH GIAO NHẬN QUỐC TẾ V.M.T.C**

Mã số thuế: 0201070092

Ngân hàng TMCP Công thương xin trân trọng thông báo: tài khoản của Quý khách hàng đã được ghi Có với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: 102010000201678

Số tiền bằng số: 92.338

Số tiền bằng chữ: Chín mươi hai nghìn ba trăm ba mươi tám đồng .

Nội dung: Lãi tiền gửi.

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu 2.13: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C Địa chỉ: Lô 20A Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, HP		Mẫu số: S03a- DNN (Ban hành theo TT 133/2016/TT- BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)				
SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm 2017						
Đơn vị tính: VNĐ						
Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
		...				
HD1088	03/12	Vận chuyển xi măng cho cty CP xi măng Thăng Long	131	511 3331	12.747.520	11.588.655 1.158.865
		...				
PC13-28 HD0091	10/12	Chi mua văn phòng phẩm	642 133	111	2.571.000 257.100	2.828.100
GBC502	30/12	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng	112	515	92.338	92.338
					
		Cộng lũy kế năm			168.532.608.742	168.532.608.742

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.14: Trích Sổ cái TK 515

Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C
 Địa chỉ: Lô 20A Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, HP

Mẫu số: S03b- DNN
 (Ban hành theo TT 133/2016/TT-
 BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng
 Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu : 515

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			
		...			
GBC50 2	30/12	Lãi tiền gửi	112		92.338
		...			
PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính năm 2017	911	2.007.898	
		Cộng SPS năm		2.007.898	2.007.898
		<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
 (ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
 (ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
 (ký tên, đóng dấu)

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty giao nhận quốc tế V.M.T.C

Cuối kỳ kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, giá vốn, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác, chi phí khác sang tài khoản 911. Đồng thời, kế toán xác định thuế TNDN phải nộp, kết chuyển lãi lỗ.

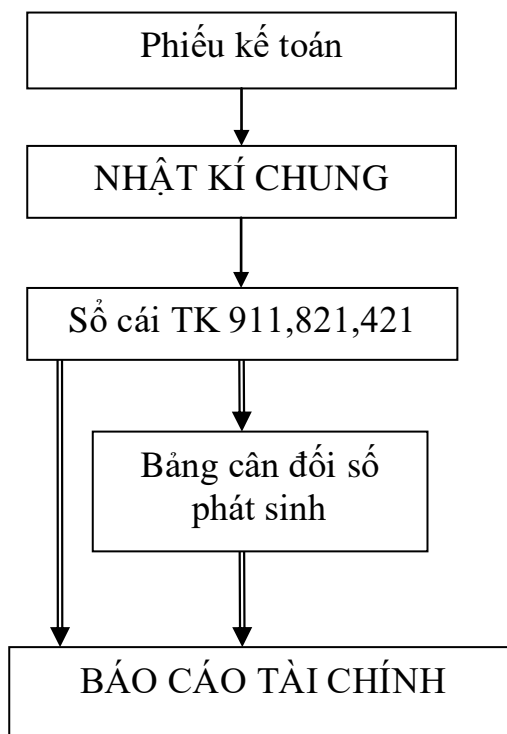
* Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán

* Sổ kế toán sử dụng:

- TK 911: “Kết quả kinh doanh”
- TK 821: “Chi phí thuế TNDN”
- TK 3334: “Thuế TNDN”
- TK 421: “Lợi nhuận chưa phân phối”

* Quy trình hạch toán:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, định kỳ ⇨

Sơ đồ 2.5. Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C

Ngày 31/12: Căn cứ vào số liệu trên Sổ cái TK 511, TK 515 kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 19 để kết chuyển doanh thu, thu nhập

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 19

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu và cung cấp dịch vụ	511	911	20.019.668.742
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	2.007.898
	Cộng			20.021.676.640

Người lập*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: 20

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	17.998.862.747
2	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	1.395.566.879
	Cộng			19.394.429.626

Người lập*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)*

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 21

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Thuế TNDN phải nộp năm 2017	821	3334	125.449.403
	Cộng			125.449.403

Người lập*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: 22

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	125.449.403
	Cộng			125.449.403

Người lập*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)*

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 23

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế năm 2017	911	421	501.797.611
	Cộng			501.797.6118

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.15. Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C
Địa chỉ: Lô 20A Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, HP.

Mẫu số: S03a- DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT -
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng
Bộ Tài Chính)

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
31/1 2	PKT 19	31/12	Kết chuyển doanh thu, thu nhập	511	20.019.668.742	
				515	2.007.898	
				911		20.021.676.640
31/1 2	PKT 20	31/12	Kết chuyển chi phí kinh doanh	911	1.773.016.771	
				632		17.998.862.747
				642		1.395.566.879
31/1 2	PKT 21	31/12	Thuế TNDN phải nộp	821	125.449.403	
				3334		125.449.403
31/1 2	PKT 22	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	911	125.449.403	
				821		125.449.403
31/1 2	PKT 23	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	501.797.6118	
				421		501.797.6118
			Cộng lũy kế từ đầu năm		168.532.608.742	168.532.608.742

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ*(ký, ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(ký, ghi rõ họ tên)***Thủ trưởng đơn vị***(ký, ghi rõ họ tên)*

Biểu 2.16: Trích sổ cái TK 911

Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C
Địa chỉ: Lô 20A Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, HP

Mẫu số: S03b- DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT -
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng
Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			
		Số phát sinh trong kỳ			
PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	511		20.019.668.742
PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu từ hoạt động tài chính	515		2.007.898
PKT20	31/12	Kết chuyển giá vốn	632	17.998.862.747	
PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	1.395.566.879	
PKT22	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	821	125.449.403	
PKT23	31/12	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối	421	501.797.611	
		Cộng SPS năm		20.021.676.640	20.021.676.640
		<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.17: Trích sổ cái TK421

Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C
Địa chỉ: Lô 20A Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, HP

Mẫu số: S03b- DN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT -
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng
Bộ Tài Chính)

TRÍCH SỔ CÁI

Năm 2017

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐ Ư	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			<u>29.569.120</u>
PKT23	31/1 2	Lợi nhuận sau thuế năm 2017	911		501.797.611
		Cộng Số phát sinh năm			501.797.611
		<u>Số dư cuối năm</u>			<u>531.366.731</u>

Biểu 2.18: Bảng báo cáo kết quả kinh doanh.

Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C
Địa chỉ: Lô 20A Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, HP

Mẫu số: B02- DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT -
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng
Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	20.019.668.742	19.016.356.889
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		20.019.668.742	19.016.356.889
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	17.998.862.747	17.599.532.756
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.020.805.995	1.816.824.133
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	2.007.898	1.986.231
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.395.566.879	1.406.261.377
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	25		627.247.014	412.548.987
10. Thu nhập khác	30			
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác	40		-	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		627.247.014	412.548.987
14. Chi phí thuế TNDN	51	VI.30	125.449.403	82.509.797
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		501.797.611	330.039.190

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Tài liệu kế toán của Công ty TNHH giao nhận Quốc tế V.M.T.C năm 2017)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN QUỐC TẾ V.M.T.C****3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết
quả kinh doanh tại Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C****3.1.1. Ưu điểm của công tác kế toán tại công ty.**

Tổ chức bộ máy kế toán.

Bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức tập trung nên hoạt động của bộ máy kế toán phát huy được hiệu quả tối đa. Mỗi cán bộ kế toán đảm nhận chức năng, nhiệm vụ riêng, đảm bảo sự chuyên môn hóa, đồng thời phát huy trình độ của mỗi nhân viên.

Bộ máy kế toán được tổ chức gọn nhẹ, hợp lý, hoạt động hiệu quả, đảm bảo nguyên tắc bất kiêm nhiệm và nguyên tắc phân công phiêm nhiệm. Bộ phận kế toán gồm 3 người: một thủ quỹ, một kế toán công nợ và thanh toán, một kế toán tổng hợp rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại công ty. Thêm vào đó, đội ngũ kế toán có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn (từ cao đẳng trở lên) giúp cho công tác kế toán tại công ty được thực hiện chính xác và kịp thời.

Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời nên việc đối chiếu kiểm tra số liệu với bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi, dễ dàng hơn. Đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

Chứng từ kế toán.

Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, đúng với mẫu do Bộ Tài Chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán khá nhanh chóng, kịp thời. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, các kế toán ở phần hành nào thì lưu trữ, đảm bảo chứng từ liên quan đến phần hành đó. Vì vậy tránh sự chòng chéo và đảm bảo nguyên tắc phân công nhiệm vụ rõ ràng.

❖ Sổ sách kế toán.

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho công tác ghi chép, quản lý kế toán của công ty.

Các sổ kế toán được mở đầy đủ theo hình thức nhật ký chung, được ghi chép theo đúng chế độ, khoa học đảm bảo được yêu cầu quản lý về đối chiếu kiểm tra, từ đó tránh những sai sót.

❖ Tài khoản sử dụng.

Công ty áp dụng theo đúng chuẩn mực trong báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo thông tư 133/2016/TT – BTC của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung.

❖ Về hạch toán kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty:

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời, đảm bảo theo đúng chế độ kế toán hiện hành và nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu, chi phí như hiện nay là cơ sở quan trọng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh .

3.1.2. Nhược điểm của công tác kế toán tại công ty.

Bên cạnh những ưu điểm thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và giao nhận Quốc tế V.M.T.C còn có những mặt hạn chế sau:

- *Về việc hệ thống sổ sách kế toán:*

Hệ thống sổ sách của công ty còn thiếu và sơ sài. Công ty có hoạt động kinh doanh vận tải và dịch vụ hải quan nhưng công ty lại không lập sổ chi tiết tài khoản 511 nên khó theo dõi được doanh thu của từng dịch vụ cung cấp cũng như sổ chi tiết giá vốn.

Công ty không lập sổ chi tiết tài khoản 642 nên khó theo dõi được nội dung các khoản mục chi phí phát sinh trong kỳ, từ đó công tác quản lý chi

phí quản lý kinh doanh chưa được hiệu quả.

- *Về trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:* Là một công ty dịch vụ nên quy mô các khoản phải thu khách hàng của công ty khá là lớn mà việc thanh toán của khách hàng khá là chậm, thậm chí còn nhiều khách hàng nợ quá hạn. Vì vậy việc công ty không lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để tránh rủi ro là một hạn chế lớn của doanh nghiệp.
- *Sử dụng phần mềm kế toán trong kế toán:* Hiện nay công ty mới chỉ xây dựng một số phần hành trên chương trình Excel, Word và việc ghi chép còn rất thủ công. Trong khi đó hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng được mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều khiến kế toán công ty phải đảm nhiệm một khối lượng lớn công việc, gây khó khăn trong công tác quản lý, giám sát.

3.2. Giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C

3.2.1. Hệ thống sổ kế toán:

Công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng (Mẫu S16 – DNN ban hành theo thông tư 133/2016/TT- BTC ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng BTC thay cho QĐ số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính có hiệu lực từ ngày 1/1/2017 để theo dõi doanh thu, giá vốn, chi phí, lợi nhuận của từng mặt hàng từ đó sẽ giúp công ty nhằm xem xét, so sánh các mặt hàng để đưa ra chiến lược kinh doanh tốt hơn.

Công ty nên mở sổ chi phí quản lý kinh doanh cho tài khoản 642 (Mẫu S17 – DNN ban hành theo thông tư 133/2016/TT- BTC ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng BTC thay cho QĐ số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính có hiệu lực từ ngày 1/1/2017 nhằm theo dõi chi phí quản lý kinh doanh theo từng yếu tố từ đó giúp công ty nắm bắt và quản lý chi phí dễ dàng hơn.

Sau đây em xin đưa ra một số mẫu sổ chi tiết bán hàng và sổ chi phí quản lý kinh doanh.

Biểu 3.1: Mẫu sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số S16-DNN

Ban hành theo QĐ số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng
BTC

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động
sản đầu tư):... Năm:...

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác 521
			Cộng phát sinh						
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						

Ngày ... tháng ... năm ...

Số này có trang đánh từ trang 01 đến trang ...

Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu số 3.2: *Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh.*

Đơn vị :

Mẫu số S17-DNN

Địa chỉ :

Ban hành theo QĐ số 133/2016/TT-BTC ngày

26/08/2016 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK: 154,632,642,142,242)

Tài khoản:

Tên phân xưởng:

Tên sản phẩm, dịch vụ:

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Ghi Nợ tài khoản...				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
Cộng số phát sinh trong kỳ - Ghi có TK Số dư cuối kỳ									

Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ

(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, Ghi rõ họ tên)

Biểu số 3.3: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị :

Địa chỉ :

Mẫu số S18-DNNBan hành theo QĐ số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 642

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ TK 642									
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra								
						6421				6422				
						64211	64212	...	Cộng	64221	64222	64228	Cộng	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	

Hải phòng, ngày tháng năm 20.....

Người ghi sổ (Đã ký)

Kế toán trưởng (Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

3.2.2.1. Trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Là dự phòng giá trị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu quá hạn và có thể không đòi được do khách hàng nợ không có khả năng thanh toán.

Tác dụng dự phòng phải thu khó đòi: đề phòng nợ phải thu thất thu khi khách hàng không có khả năng chi trả nợ và xác định giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu lập trên, báo cáo tài chính của năm báo cáo.

Về cơ sở pháp lý của việc lập dự phòng: Kế toán căn cứ vào thông tư TT228/2009TT-BTC ban hành 7/12/2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Phương pháp xác định: Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ. Các khách hàng quá hạn được sắp xếp loại khách hàng khó đòi nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo khách hàng trên cơ sở thông tin phản hồi khách hàng, kể cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo % khả năng mất.

Dự phòng phải thu khó đòi cần lập = **Nợ phải thu khó đòi** * **Số % khả năng mất**

Điều kiện lập dự phòng: Đối tượng lập dự phòng là các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết và đảm bảo điều kiện sau:

- Phải có chứng từ gốc và có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả như: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ, bảng kê công nợ và các chứng từ khác có liên qua.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán (tính theo thời hạn trả nợ gốc ban đầu theo hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), doanh nghiệp đã áp dụng các biện pháp xử lý như đối chiếu xác nhận, đôn đốc thanh toán nhưng vẫn chưa thu hồi được.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng ...) đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ đã mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

2. Mức trích lập:

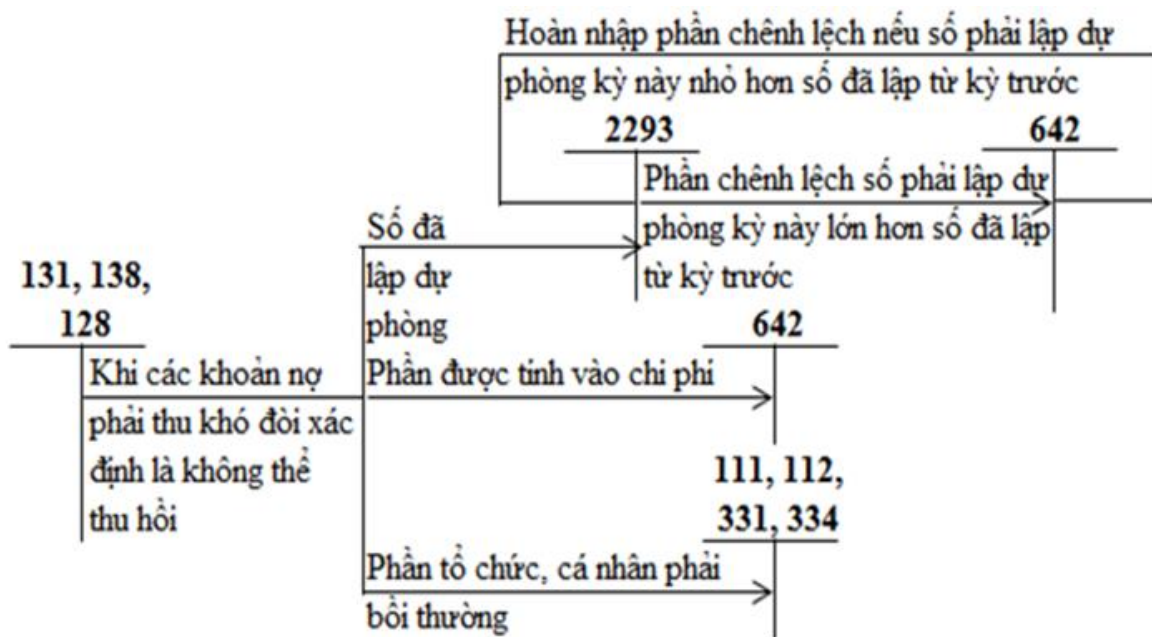
a) Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

- *Tài khoản sử dụng: TK 229: Dự phòng tổn thất tài sản.*
- *Kết cấu tài khoản:*

<i>Bên nợ</i>	<i>Bên có</i>
Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kì trước, chưa sử dụng hết Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất đã xảy ra Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được xóa sổ	Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm báo cáo tài chính.
	Số dư bên có: số dự phòng tổn thất tài sản hiện có ở cuối kỳ.

Sơ đồ 3.1: sơ đồ hạch toán dự phòng nợ phải thu khó đòi theo thông tư 133



Biểu 3.1 báo cáo tình hình công nợ năm 2017

Đơn vị: công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C

Địa chỉ: Lô 20A, Lê Thánh Tông –Ngô Quyền-HP

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2017

Năm 2017

STT	Tên công ty	Công nợ với KH	Thời hạn thanh toán	Thời gian quá hạn	Ghi chú
1	Cty TNHH vận tải Thành phát	68.658.200	31/05/2016	1 năm 7 tháng	
2	Cty TNHH TM Đức An	61.350.000	15/05/2017	6 tháng 16 ngày	
3	Cty TNHH & TM Hưng Phát	82.050.382	31/05/2017	7 tháng	
....
	Tổng cộng	1.969.558.582			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký rõ họ tên)

Biểu 3.2: Bảng trích lập dự phòng năm 2017

Đơn vị: Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C

Địa chỉ: Lô 20A, Lê Thánh Tông –Ngô Quyền-HP

BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI NĂM 2017

Năm 2017

ĐVT: VNĐ

STT	Tên công ty	Công nợ với KH	Thời gian quá hạn	Mức trích lập	Số tiền	Ghi chú
1	Cty TNHH vận tải Thành phát	68.658.200	1 năm 7 tháng	50%	34.329.100	
2	Cty TNHH TM Đức An	61.350.000	6 tháng 16 ngày	30%	18.405.000	
3	Cty TNHH & TM Hưng Phát	82.050.382	7 tháng	30%	24.615.114	
...	
	Tổng cộng	1.969.558.582			310.367.574	

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký rõ họ tên)

Định khoản đối với bảng trích lập dự phòng phải thu khó đòi:

Nợ TK 6422: 310.367.574

Có TK 2293: 310.367.574

3.2.2.2: Sử dụng phần mềm kế toán.

Thị trường ngày càng phát triển thì quy mô của các doanh nghiệp ngày càng mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng cao làm cho nhu cầu nhận và xử lý thông tin ngày càng trở nên khó khăn, phức tạp vì thế để tăng hiệu quả trong công tác kế toán, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán để tiết kiệm thời gian, công sức. Phần mềm kế toán cung cấp tức thì bất kỳ số liệu và báo cáo kế toán nào, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm nguồn nhân lực, chi phí và tăng cường tính chuyên nghiệp của nhân sự làm gia tăng giá trị chất lượng trong mắt đối tác, khách hàng.

Ưu điểm của việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán:

- Ít tốn thời gian: Phần mềm kế toán được thiết kế giúp các doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và làm thao tác. Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán.

- Chính xác: Các chương trình kế toán có độ chính xác rất cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót duy nhất của doanh nghiệp gặp phải có thể là do nhập sai dữ liệu và thông tin sai lệch ngay từ đầu.

- Dễ sử dụng: Phần hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng dễ dàng.

Đối với nhà quản lý:

- Tiết kiệm được thời gian quản lý tài chính cho nhà quản lý.

- Nhận được các thông tin tức thời từ các hoạt động của công ty khi truy cập trực tiếp trên chương trình phần mềm.

- Có các thông tin thể hiện dưới dạng bảng biểu, con số thống kê, đồ họa minh họa.

- Nhà quản lý có khả năng truy xuất trực tiếp trên phần mềm để xem các báo cáo, thông tin, hoàn toàn chủ động với số liệu kế toán tài chính.

Đối với bộ phận kế toán tài chính:

- Thực hiện các chức năng kế toán quản trị phục vụ yêu cầu của nhà quản lý.

- Hỗ trợ tối đa công tác hạch toán, làm sổ sách theo quy định.

- Có được giải pháp, quy trình chuẩn và kế toán tài chính tuân thủ hoàn toàn theo quy định của bộ tài chính và pháp luật Việt Nam.

- Có thể trả lời nhanh các câu hỏi của nhà quản lý liên quan đến con số như: doanh thu, chi phí, lãi - lỗ, tiền tại quỹ, ngân hàng, công nợ, kho hàng hóa...

- Luôn chủ động trong công việc hàng ngày, hàng tháng.

Đối với các bộ phận khác:

Quan hệ giữa các phòng trở nên thuận tiện hơn, phối hợp thông tin giữa các phòng ban tránh các công việc trùng lặp.

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tạo điều kiện tốt nhất cho kế toán viên hoàn thành nhiệm vụ của mình và đưa ra những thông tin kế toán

chính xác và kịp thời hơn. Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như:

Phần mềm kế toán MISA

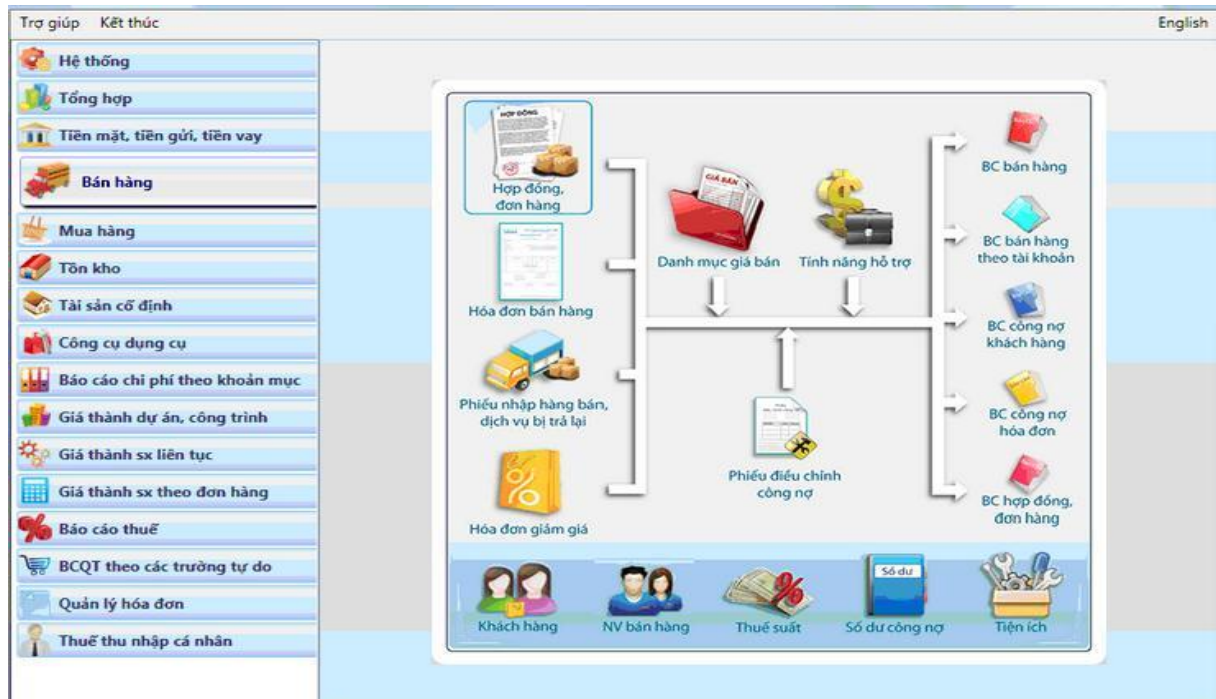


Phần mềm Misa là giải pháp cho các loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ được áp dụng trong các trường hợp: doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp thương mại có quy mô đơn giản, có mức độ quản lý không quá phức tạp hay những doanh nghiệp có yêu cầu về quản trị cao hơn và có mô hình hoạt động lớn ở mức độ tương đối hoặc những doanh nghiệp thực hiện kinh doanh ở nhiều lĩnh vực.

Phần mềm Misa có ưu điểm là dễ sử dụng bởi giao diện trực quan và thân thiện với người dùng, những người mới bắt đầu sử dụng phần mềm cũng sẽ cảm thấy thoải mái, không nhức mắt, cho phép cập nhật dữ liệu như nhiều hóa đơn 1 phiếu chi một cách linh hoạt, các mẫu giấy tờ chứng từ theo quy định ban hành. Và điểm nổi trội nữa của Misa là chức năng thao tác lưu và ghi sổ dữ liệu khá nhanh chóng; công nghệ bảo mật dữ liệu cao.

Phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING

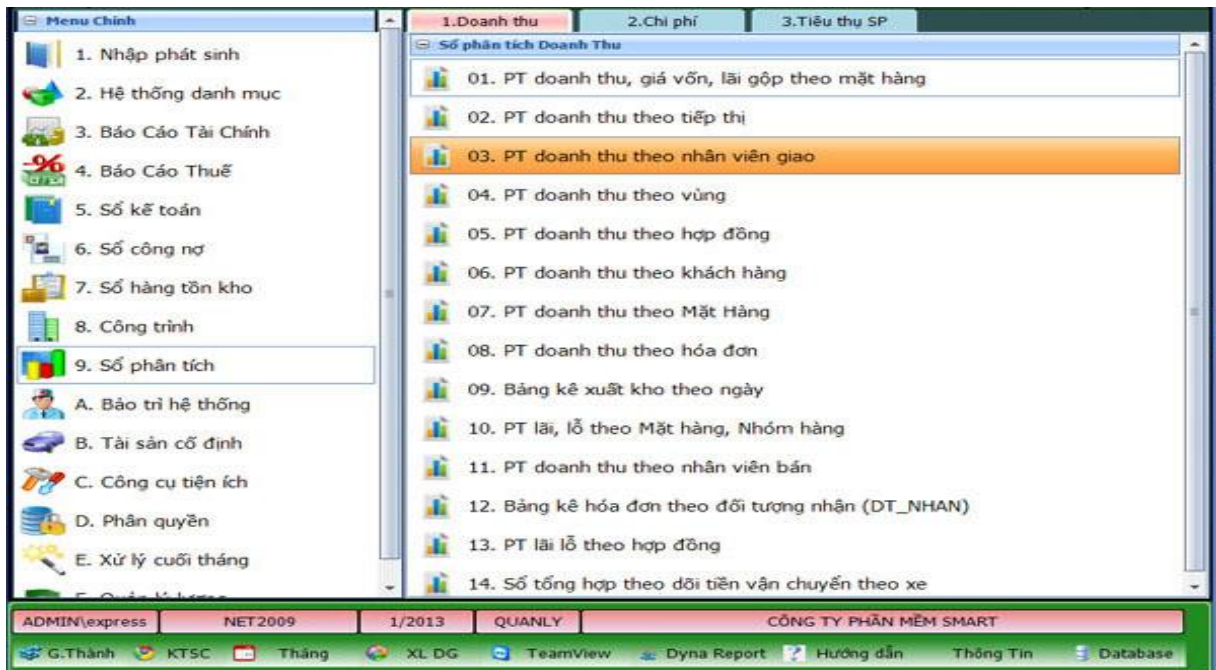
Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.



Fast Accounting có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet. Đặc biệt Fast Accounting cho phép chạy trên web-based giúp cho người sử dụng không phải cài đặt phần mềm trên máy tính, chỉ cần truy cập qua địa chỉ trên web, gõ tên và mật khẩu là có thể làm việc bình thường. Điều này tạo thuận lợi khi làm việc từ xa và khi mở rộng thêm văn phòng, chi nhánh,...

Hiện nay Fast có nhiều sản phẩm phù hợp với các loại hình doanh nghiệp:

Phần mềm kế toán SMART



Phần mềm kế toán Smart phù hợp với các doanh nghiệp Xây dựng, Sản xuất, Thương mại, Dịch vụ, XNK,...

KẾT LUẬN

1. Kết luận

Về lý luận, đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Về thực tiễn, đề tài đã mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C một cách khách quan, trung thực thông qua số liệu tháng 12 năm 2017 minh chứng cho các lập luận đưa ra. Qua quá trình thực tập được tiếp cận thực tế tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán của công ty có một số ưu điểm và hạn chế chính sau:

- Ưu điểm:

+ Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, khá gọn nhẹ nhưng có tính hoàn thiện tương đối cao, hoạt động nề nếp với quy trình làm việc khoa học.

+ Hệ thống sổ sách, tài khoản kế toán khoa học, tuân thủ đúng chế độ kế toán ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC. Về công tác kế toán được thực hiện khá chặt chẽ, khoa học, phù hợp với tình hình đơn vị, cung cấp thông tin nhanh và chính xác về tình hình công nợ.

- Hạn chế:

+ Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

+ Hệ thống sổ kế toán chưa được hoàn chỉnh.

+ Chưa áp dụng phần mềm kế toán đầy đủ để công tác kế toán hiệu quả và hữu ích hơn.

2. Kiến nghị

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã đưa ra được một số giải pháp nhằm tăng cường công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH giao nhận quốc tế V.M.T.C

- Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán để công tác kế toán hiệu quả và nhanh hơn.

- Mở sổ chi tiết cho từng mặt hàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp từng mặt hàng giúp cho các nhà quản trị thấy được tình hình tiêu thụ của từng sản phẩm. Từ đó các nhà quản lý

doanh nghiệp quyết định xem nên mở rộng kinh doanh mặt hàng nào, thu hẹp hay ngừng kinh doanh mặt hàng nào.

– Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đề phòng nợ phải thu thất thu khi khách hàng không có khả năng chi trả nợ và xác định giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu lập trên , báo cáo tài chính của năm báo cáo.

Các kiến nghị đề xuất đều xuất phát từ thực tế tại công ty nên có thực tế khả thi.

Hải Phòng, ngày 12 tháng 6 năm 2018

Sinh viên

Phạm Ngọc Tuấn

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) GS.TS.NGND Ngô Thế Chi (2013), *Giáo trình kế toán tài chính*, Nhà xuất bản tài chính.
- 2) GS.TS. Đặng Thị Loan (2013), *Giáo trình kế toán tài chính trong doanh nghiệp*, Nhà xuất bản đại học kinh tế quốc dân.
- 3) Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính
- 4) Tài liệu kế toán của công ty TNHH giao nhận quốc tế V/.M.T.C năm 2017